

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

NGÔ XUÂN LỘC

KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
CHUYÊN NGÀNH II ĐỐI VỚI CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 8310110

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. TS. BÙI THỊ HỒNG VIỆT
2. TS. VŨ THỊ MINH NGỌC

HÀ NỘI, 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Đề án này hoàn toàn do tôi thực hiện. Các phần trích dẫn và tài liệu sử dụng trong bài tập hoàn toàn trung thực, được trích nguồn và đảm bảo độ chính xác cao nhất trong phạm vi hiểu biết của tôi. Nếu không đúng như đã nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm về bài tập của mình.

Hà Nội ngày tháng năm 2024

Học viên

Ngô Xuân Lộc

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho tôi xin được cảm ơn sâu sắc tới các giảng viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân nói chung và các giảng viên Khoa Khoa học quản lý, các cán bộ của Viện Đào tạo Sau đại học nói riêng đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho tôi những kiến thức và kinh nghiệm quý báu.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến TS. Bùi Thị Hồng Việt và TS. Vũ Thị Minh Ngọc, những người đã trực tiếp hướng dẫn tôi trong suốt quá trình thực hiện đề án. Trong khoảng thời gian được làm việc với giảng viên hướng dẫn, tôi đã không những học hỏi, tích lũy nhiều kiến thức bổ ích cho mình mà còn học tập được tinh thần làm việc nghiêm túc, hiệu quả, đây là những điều rất cần thiết cho tôi trong quá trình học tập và công tác sau này.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo và đồng nghiệp tại Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đã tạo điều kiện về thời gian và cung cấp số liệu cho tôi hoàn thành đề án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới gia đình và bạn bè đã luôn đồng hành với tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu để hoàn thành đề án này.

Hà Nội ngày tháng năm 2024

Học viên

Ngô Xuân Lộc

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG, HÌNH, HỘP	vi
TÓM TẮT ĐỀ ÁN	viii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ	5
1.1. Chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	5
1.1.1. Khái niệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	5
1.1.2. Nội dung chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	5
1.1.3. Đặc điểm chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	6
1.2. Kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	6
1.2.1. Khái niệm và mục tiêu kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	6
1.2.2. Bộ máy kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	8
1.2.3. Nội dung kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	9
1.2.4. Quy trình kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	10
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	12
1.3.1. Các nhân tố thuộc về kiểm toán nhà nước chuyên ngành	12
1.3.2 Các nhân tố thuộc về môi trường bên ngoài kiểm toán nhà nước chuyên ngành	13
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH II ĐỐI VỚI CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ	15
2.1. Khái quát về Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II và thực trạng chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	15

2.1.1. Khái quát về Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II.....	15
2.1.2. Thực trạng chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ thuộc phạm vi kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II.....	18
2.2. Thực trạng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	19
2.2.1. Thực trạng bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	19
2.2.2. Thực trạng quy trình và nội dung kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	25
2.3. Đánh giá thực trạng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	52
2.3.1. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu kiểm toán	52
2.3.2. Ưu điểm	55
2.3.3. Hạn chế	55
2.3.4. Nguyên nhân của hạn chế.....	56
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH II ĐỐI VỚI CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ	58
3.1 Định hướng hoàn thiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ đến năm 2030.....	58
3.1.1. Về năng lực kiểm toán.....	58
3.1.2. Về hiệu lực kiểm toán.....	59
3.1.3. Về hiệu quả kiểm toán.....	59
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.....	60
3.2.1. Hoàn thiện bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách của các bộ	60
3.2.2. Hoàn thiện nội dung kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách của các bộ	61
3.2.3. Hoàn thiện quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách của các bộ	62
3.2.4. Giải pháp khác	63
3.3. Một số kiến nghị với Quốc hội	63
KẾT LUẬN	65
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	66
PHỤ LỤC	68

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NGHĨA ĐẦY ĐỦ
1	BCKT	Báo cáo kiểm toán
2	CMKTNN	Chuẩn mực Kiểm toán nhà nước
3	GTVT	Giao thông vận tải
4	KHCN	Khoa học công nghệ
5	KHKT	Kế hoạch kiểm toán
6	KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
7	KH – TC	Kế hoạch – Tài chính
8	KTNN	Kiểm toán nhà nước
9	KTNS	Kiểm toán ngân sách
10	KTV	Kiểm toán viên
11	NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	NSNN	Ngân sách nhà nước
13	SNCL	Sự nghiệp công lập
14	TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
15	TT&TT	Thông tin và Truyền thông
16	trđ	Triệu đồng

DANH MỤC BẢNG, HÌNH, HỘP

BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình nhân lực của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II giai đoạn 2021 – 2023	17
Bảng 2.2: Tình hình chi thường xuyên NSNN của các bộ thuộc phạm vi kiểm toán của KTNN chuyên ngành II	18
Bảng 2.3: Phân công nhiệm vụ theo dõi, khảo sát, thu thập thông tin và cập nhật, xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm toán của các phòng nghiệp vụ của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	21
Bảng 2.4: Nhân lực trong bộ máy kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	23
Bảng 2.5: Số liệu các cuộc khảo sát trước khi kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách của các bộ	27
Bảng 2.6: Số cuộc kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	28
Bảng 2.7: Thống kê trọng yếu kiểm toán, nội dung kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	30
Bảng 2.8: KHKT chi tiết về kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	34
Bảng 2.9: Tổng hợp số liệu quyết định kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN trong giai đoạn 2021 – 2023	36
Bảng 2.10: Tình hình kiểm toán việc lập, phân bổ và giao dự toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	39
Bảng 2.11: Tình hình kiểm toán việc chấp hành dự toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	41
Bảng 2.12: Tình hình kiểm toán công tác quyết toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	42
Bảng 2.13: Tình hình phát hiện sai phạm sau quá trình kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	43
Bảng 2.14: Thống kê số lượng biên bản kiểm toán của các đoàn kiểm toán giai đoạn 2021 – 2023	45

Bảng 2.15: Tổng hợp những sai sót chủ yếu trong quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên được phát hiện qua kiểm toán của KTNN chuyên ngành II giai đoạn 2021 – 2023	47
Bảng 2.16: Tổng hợp số liệu các cuộc kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	50
Bảng 2.17: Tổng hợp tình hình thực hiện các mục tiêu kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023	53

HÌNH

Hình 1: Khung nghiên cứu	3
Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức của KTNN chuyên ngành II	16
Hình 2.2: Bộ máy kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.....	19

HỘP

Hộp 2.1: Kết quả phỏng vấn sâu về bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	24
Hộp 2.2: Kết quả phỏng vấn sâu về giai đoạn chuẩn bị kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	37
Hộp 2.3: Kết quả phỏng vấn sâu về giai đoạn thực hiện kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	44
Hộp 2.4: Kết quả phỏng vấn sâu về giai đoạn kết thúc kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ	52

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

Trong cơ cấu ngân sách nhà nước, chi tiêu ngân sách nhà nước, mà đặc biệt là chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ là một bộ phận quan trọng. Trong giai đoạn 2021 – 2023, khi nền kinh tế thế giới suy thoái do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam cũng bị tác động tiêu cực. Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã đưa ra chỉ đạo siết chặt quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước nói chung và chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ nói riêng. Do đó, nhu cầu đặt ra là cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, bảo đảm các khoản chi này được sử dụng đúng mục đích và đạt hiệu quả cao.

Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập, với vai trò kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Trong đó, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II có nhiệm vụ kiểm toán ngân sách các bộ, ngành trung ương, mà nhiệm vụ chủ yếu là kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Với bộ máy kiểm toán gồm các KTV, chuyên viên có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán chi thường xuyên, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đã xây dựng quy trình, nội dung kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán và phù hợp với thực tiễn, đạt hiệu quả cao trong hoạt động kiểm toán. Nội dung kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ gồm ba nội dung chính: (i) Kiểm toán việc lập, phân bổ và giao dự toán; (ii) Kiểm toán việc chấp hành dự toán; (iii) Kiểm toán công tác quyết toán chi thường xuyên.

Công tác kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ đã hoàn thành mục tiêu đã đề ra theo kế hoạch, đạt được nhiều kết quả cao, tiêu biểu là kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nhiều văn bản pháp luật có liên quan tới chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, từ đó nâng cao hiệu quả, hiệu lực pháp lý trong quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ vẫn còn một vài tồn tại, hạn chế, do đó trong thời gian tới, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II cần tiếp tục khắc phục những hạn chế này, nâng cao, hoàn thiện hơn nữa bộ máy, quy trình và nội dung kiểm toán, từ đó tăng cường hiệu quả công tác kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Theo Quốc hội (2015), “chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.”

Chi thường xuyên có vai trò quan trọng trong nhiệm vụ chi của NSNN, cũng như giúp cho bộ máy nhà nước duy trì hoạt động bình thường để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước. Theo Quốc hội (2015), “chi thường xuyên là quá trình phân phối, sử dụng nguồn lực tài chính của Nhà nước nhằm trang trải những nhu cầu của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội thuộc khu vực công, qua đó thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.”

Chi thường xuyên của các bộ được phân cấp thành các nhóm, lĩnh vực như sau: Quốc phòng; an ninh và trật tự xã hội; giáo dục, y tế, văn hóa khoa học công nghệ...; các hoạt động kinh tế như nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; thương mại, du lịch; giao thông, xây dựng; hoạt động của các cơ quan công quyền, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị...; chi bảo đảm xã hội và các khoản chi thường xuyên khác.

Trong công tác quản lý chi thường xuyên NSNN, để duy trì hoạt động của các cơ quan được thực hiện trên diện rộng, đa dạng dẫn đến nhu cầu chi thường xuyên NSNN ngày càng tăng trong khi nguồn lực của nhà nước có hạn. Do đó, công tác chi thường xuyên ngân sách nhà nước cần được kiểm soát, kiểm tra, kiểm toán chặt chẽ, nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính của nhà nước được sử dụng đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.

Công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN tại các bộ nhằm kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của pháp luật, tính kịp thời, đầy đủ, chi tiết và cơ sở của việc lập, giao dự toán; kiểm tra tính đúng đắn, hợp pháp của việc điều chỉnh dự toán trong năm. Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II có nhiệm vụ kiểm toán ngân sách nhà nước của các bộ, trong đó kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ là một trong những nhiệm vụ chủ chốt. Với bộ máy kiểm toán gồm các KTV, chuyên viên giỏi, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chi thường xuyên NSNN của các bộ, cùng với quy trình, nội dung kiểm toán chặt chẽ, KTNN chuyên ngành II luôn thực hiện xuất sắc nhiệm vụ kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ, góp phần “xây dựng nền tài chính quốc gia minh bạch, bền vững”.

Mặc dù hệ thống quy định, văn bản pháp lý về chi thường xuyên NSNN đã có đầy đủ, tuy nhiên việc thực hiện chi thường xuyên NSNN của các bộ vẫn còn một số tồn tại, dẫn đến nguồn lực tài chính quốc gia được sử dụng chưa thực sự hiệu quả. Vì vậy, công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN nói chung và chi thường xuyên NSNN các bộ nói riêng là vô cùng quan trọng. Do đó, học viên lựa chọn đề tài **“Kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ”** làm đề án thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề án thực hiện hướng tới những mục tiêu cơ bản sau:

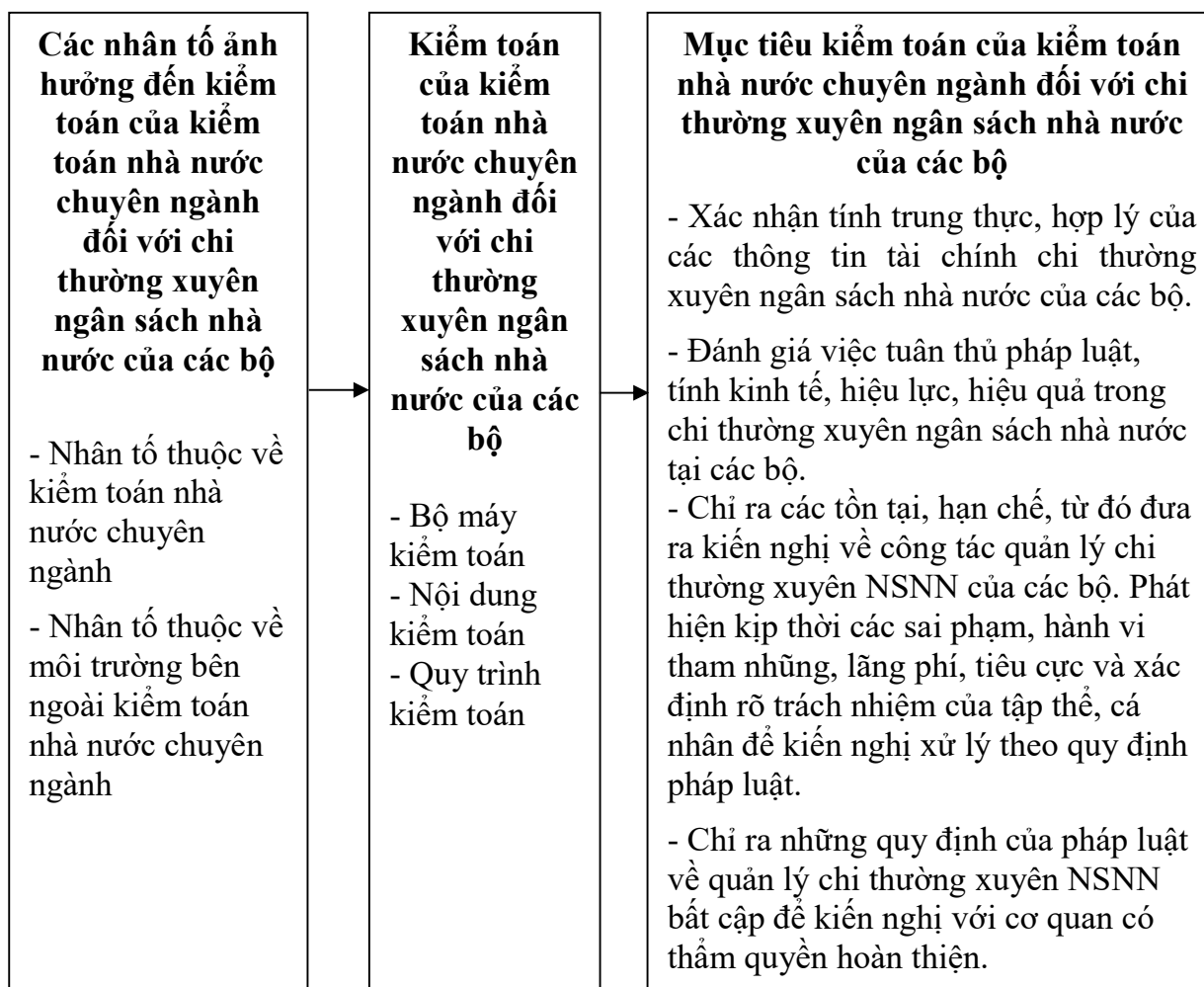
- Xác định được khung nghiên cứu về kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.
- Phân tích được thực trạng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 - 2023, từ đó chỉ rõ ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác này.
- Đưa ra được các giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Về nội dung: Kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ được nghiên cứu theo các nội dung sau: bộ máy kiểm toán, nội dung kiểm toán và quy trình kiểm toán.
 - + Về không gian: Nghiên cứu tại Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II.
 - + Về thời gian: Dữ liệu được thu thập cho giai đoạn từ 2021 - 2023, dữ liệu sơ cấp thu thập vào tháng 6 năm 2024 và đề xuất giải pháp giai đoạn đến năm 2030.

4. Khung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Khung nghiên cứu



Hình 1: Khung nghiên cứu

4.2. Quy trình và phương pháp nghiên cứu

Bước 1: Đọc và tổng hợp các giáo trình, sách, văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu có liên quan nhằm xác định khung nghiên cứu về kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Phương pháp được sử dụng ở bước này là phương pháp tổng hợp.

Bước 2: Thu thập các dữ liệu thứ cấp về kết quả kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ từ các kế hoạch kiểm toán, báo cáo kết quả kiểm toán hàng năm của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II.

Bước 3: Thu thập số liệu thông qua phỏng vấn sâu 03 công chức trong bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ và 03 Cục trưởng Cục Kế hoạch – Tài chính, Vụ trưởng Vụ kế hoạch – Tài chính của một số bộ là đối tượng được kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II. Câu hỏi phỏng vấn được thể hiện ở Phụ lục số 01. Danh sách người tham gia phỏng vấn và thời điểm phỏng vấn được thể hiện ở Phụ lục số 02.

Bước 4: Xử lý dữ liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được để phân tích thực trạng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Sau khi phân tích thực trạng, tác giả sẽ đánh giá chỉ ra điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Phương pháp được sử dụng ở bước này là thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp.

Bước 5: Trên cơ sở các hạn chế và nguyên nhân của hạn chế đã phát hiện ở bước 4, đề án nêu ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Phương pháp được sử dụng ở bước này là phương pháp phân tích và tổng hợp.

5. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, đề án được kết cấu thành 3 chương, cụ thể như sau:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.
- Chương 2: Phân tích thực trạng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.
- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ

1.1. Chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

1.1.1. Khái niệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Theo Phan Hữu Nghị và Lê Hùng Sơn (2020), “chi thường xuyên ngân sách nhà nước là quá trình phân phối, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để đáp ứng cho các nhu cầu chi gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước về lập pháp, hành pháp, tư pháp và một số dịch vụ công cộng khác mà nhà nước vẫn phải cung ứng”.

Chính phủ (2016) quy định, “Bộ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc”.

Từ các khái niệm và quy định nêu trên, chúng ta có thể định nghĩa “*chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ là nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước các bộ và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của các bộ*”.

1.1.2. Nội dung chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Quốc hội (2015) quy định nội dung chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ gồm:

“- Chi quản lý hành chính là nhiệm vụ chi với mục đích bảo đảm các hoạt động quản lý hành chính của các bộ, gồm các khoản mục chính như chi tiền lương cho đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên...”

- Chi sự nghiệp kinh tế: bao gồm các khoản chi sự nghiệp giao thông (bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa cầu đường...), chi sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp... và các khoản chi sự nghiệp kinh tế khác.

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo là nhiệm vụ chi dành cho công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên hàng năm cho cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của các bộ (bao gồm đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp tại cơ sở và cử đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác).

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ gồm các nội dung chi trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và chi cho hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Một số nhiệm vụ chi khác như chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, chi sự nghiệp văn hóa thông tin...”

1.1.3. Đặc điểm chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

- Chi thường xuyên mang tính ổn định, thường xuyên, liên tục để duy trì hoạt động bộ máy quản lý hành chính của các đơn vị, cơ quan nhà nước. Chi thường xuyên chủ yếu chi cho con người, sự việc nên không gia tăng tài sản hữu hình quốc gia.

- Chi thường xuyên có hiệu lực theo từng niên độ ngân sách, có ảnh hưởng, tác động trong khoảng thời gian một năm theo Luật Ngân sách nhà nước.

- Chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ là những khoản chi không có tính chất hoàn trả trực tiếp.

- Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của chi thường xuyên ngân sách nhà nước gắn với cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, quyết định của Nhà nước trong việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ công.

- Hiệu quả của chi thường xuyên ngân sách nhà nước khó có thể đánh giá, lượng hóa bằng số liệu cụ thể. Hiệu quả của nó thể hiện ở sự ổn định chính trị - xã hội, từ đó thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

- Mức chi, chế độ chi thường xuyên phải tuân thủ quyết định của các cấp nhà nước có thẩm quyền.

1.2. Kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

1.2.1. Khái niệm và mục tiêu kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Theo Nguyễn Quang Quỳnh và Nguyễn Thị Phương Hoa (2017), “kiểm toán là xác minh và bày tỏ ý kiến về thực trạng hoạt động cần được kiểm toán bằng hệ thống phương pháp kỹ thuật của kiểm toán chứng từ và kiểm toán ngoài chứng từ do các kiểm toán viên có trình độ nghiệp vụ tương xứng thực hiện trên cơ sở hệ thống pháp lý có hiệu lực”.

Quốc hội (2015) quy định như sau, “hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước là việc đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của các thông tin tài chính công, tài sản công hoặc báo cáo tài chính liên quan đến quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; việc chấp hành pháp luật và hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công”; “Kiểm toán nhà nước có chức năng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công”.

Cũng theo Quốc hội (2015), “Kiểm toán nhà nước chuyên ngành là đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, thực hiện kiểm toán đối với đơn vị được kiểm toán ở trung ương và các nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng Kiểm toán nhà nước”.

Từ các khái niệm và quy định trên có thể định nghĩa “*kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ là việc kiểm toán nhà nước chuyên ngành thực hiện kiểm tra, đánh giá và xác nhận tính đúng đắn, trung thực của các số liệu chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ; việc chấp hành pháp luật và hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ*”.

Mục tiêu kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ bao gồm:

- Xác nhận, đánh giá tính trung thực, hợp lý của các thông tin, số liệu tài chính trong lĩnh vực chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ được kiểm toán.

- Đánh giá sự tuân thủ pháp luật trong quản lý chi thường xuyên NSNN của bộ được kiểm toán.

- Chỉ ra các tồn tại, hạn chế để kiến nghị với các bộ được kiểm toán chấn chỉnh công tác quản lý chi thường xuyên NSNN; Kịp thời phát hiện các sai phạm, dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xác định rõ trách nhiệm của đơn vị, cá nhân để kiến nghị xử lý theo pháp luật.

- Chỉ ra những lỗ hổng trong quy định của pháp luật về quản lý chi thường xuyên NSNN để kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện.

Các mục tiêu trên được cụ thể hóa thành các tiêu chí đánh giá như sau:

- Tỷ lệ hoàn thành số cuộc kiểm toán đã được duyệt;

- Tỷ lệ số bộ được kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước;

- Tỷ lệ số bộ được đánh giá là tuân thủ pháp luật trong quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên NSNN trên tổng số bộ được kiểm toán;

- Số tiền chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ bị kiến nghị thu hồi vào NSNN sau kiểm toán;

- Số kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thay đổi, hoàn thiện các quy định liên quan tới chi và quản lý chi thường xuyên NSNN.

1.2.2. Bộ máy kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Kiểm toán nhà nước (2020) quy định bộ máy kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ bao gồm:

“- Kiểm toán trưởng: Có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành kiểm toán nhà nước chuyên ngành và chịu trách nhiệm trước Tổng KTNN, trước pháp luật về việc quản lý, điều hành kiểm toán nhà nước chuyên ngành trong công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Kiểm toán trưởng tổ chức thực hiện các công việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kiểm toán và tổ chức kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

- Phó kiểm toán trưởng: Giúp kiểm toán trưởng chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực được phân công phụ trách, trong đó có kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ. Mỗi phó kiểm toán trưởng được phân công quản lý, giám sát điều hành khoảng hai tới ba phòng nghiệp vụ trong lĩnh vực kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Nội dung quản lý bao gồm quản lý việc triển khai nhiệm vụ thu thập thông tin, lập kế hoạch kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ; triển khai nhiệm vụ kiểm toán theo đoàn kiểm toán; triển khai thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của các bộ mà từng phòng nghiệp vụ được phân công.

- Các phòng nghiệp vụ: Thu thập, cập nhật thông tin các bộ, ngành, cơ quan trung ương thuộc nhiệm vụ kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành. Làm đầu mối liên hệ với các bộ để thu thập thông tin, nhằm mục đích tham mưu kiểm toán trưởng tổ chức lập kế hoạch kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Nghiên cứu, đề xuất, tham gia ý kiến trong công tác tổ chức kiểm toán, xây dựng văn bản trong lĩnh vực kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ; tham mưu, giúp kiểm toán trưởng tổ chức thực hiện đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.”

Khi tiến hành kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ, KTNN chuyên ngành thành lập các đoàn kiểm toán, tổ kiểm toán (nếu có). Thành viên đoàn kiểm toán bao gồm:

- Trưởng đoàn kiểm toán: Kiểm toán nhà nước (2015) quy định, trưởng đoàn kiểm toán “là kiểm toán viên chính giữ chức vụ phó trưởng phòng trở lên hoặc kiểm toán viên giữ chức vụ trưởng phòng trở lên”. Bên cạnh đó, trưởng đoàn kiểm toán cũng phải đáp ứng chuẩn mực cao về đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng lãnh

đạo, quản lý bao quát, tổng hợp tốt. Vì vậy, thông thường trưởng đoàn kiểm toán là trưởng phòng, hoặc có thể phó kiểm toán trưởng. Trường hợp đặc biệt, kiểm toán trưởng sẽ trực tiếp làm trưởng đoàn kiểm toán.

- Các phó trưởng đoàn kiểm toán: Kiểm toán nhà nước quy định, yêu cầu về vị trí phó trưởng đoàn kiểm toán tương tự như trưởng đoàn kiểm toán. Tuy nhiên, trong thực tế, để đảm bảo hiệu quả trong quản lý, điều hành, phó trưởng đoàn kiểm toán là trưởng phòng, hoặc kiểm toán viên chính giữ chức vụ phó trưởng phòng, đồng thời là tổ trưởng tổ kiểm toán.

- Các tổ trưởng tổ kiểm toán: Kiểm toán nhà nước (2015) quy định tiêu chuẩn của tổ trưởng tổ kiểm toán như sau: “kiểm toán viên chính hoặc kiểm toán viên giữ chức vụ phó trưởng phòng trở lên”. Thực tế tại các kiểm toán nhà nước chuyên ngành cho thấy, để đảm nhận nhiệm vụ tổ trưởng tổ kiểm toán, các KTV phải là người dày dặn kinh nghiệm, đã từng tham gia nhiều cuộc kiểm toán, có nghiệp vụ, chuyên môn cao, có kỹ năng quản lý tốt. Do vậy, tổ trưởng tổ kiểm toán thường là kiểm toán viên hoặc kiểm toán viên chính giữ chức vụ phó trưởng phòng trở lên.

- Các thành viên: Thành viên của đoàn kiểm toán được tập hợp từ các kiểm toán viên, chuyên viên thuộc các phòng nghiệp vụ. Nhân sự đoàn kiểm toán luôn đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu cao của công việc kiểm toán. KTV tham gia đoàn kiểm toán luôn am tường về các quy định pháp luật, có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực, chuyên môn NSNN trung ương, nhất là quản lý chi thường xuyên NSNN. Bên cạnh đó, trong nhiệm vụ kiểm toán, KTV luôn giữ vững tính độc lập, khách quan khi thực hiện công việc; chính trực, khách quan, thẳng thắn trong thực thi công vụ. Cơ cấu nhân sự đoàn kiểm toán, tổ kiểm toán cũng được cân đối, bảo đảm hoàn thành khối lượng công việc theo yêu cầu. Tựu trung, bộ máy kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ luôn được đảm bảo về số lượng, chất lượng cũng như cơ cấu tổ chức.

1.2.3. Nội dung kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Kiểm toán nhà nước (2020) quy định nội dung kiểm toán của KTNN chuyên ngành đối với chi thường xuyên NSNN các bộ bao gồm:

“- Kiểm toán công tác lập, phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ theo quy định của Luật NSNN và các văn bản, thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN và tổ chức thực hiện dự toán NSNN theo từng năm: (i) Kiểm toán căn cứ lập dự toán, thuyết minh các khoản chi; (ii) kiểm toán việc xác định tiết kiệm chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương, đồng

thời bổ sung nguồn kinh phí đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; (iii) kiểm toán tính tuân thủ theo các quy định, trình tự, thủ tục đối với từng lĩnh vực chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ; (iv) kiểm toán việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước về điều chỉnh dự toán chi đã giao cho các đơn vị sử dụng dự toán NSNN trong năm.

- Kiểm toán công tác chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ: (i) Kiểm toán việc tuân thủ các chính sách, chế độ tài chính, mục đích, tiêu chuẩn, định mức chi quản lý hành chính và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; (ii) kiểm toán việc thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên; (iii) kiểm toán mục đích, đối tượng và định mức các khoản chi sự nghiệp; (iv) kiểm toán, đánh giá việc lập, thẩm định và phê duyệt các dự án, đề án, nhiệm vụ; (v) kiểm toán kết quả triển khai nhiệm vụ KH&CN được giao.

- Kiểm toán quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước các bộ: (i) Kiểm toán việc tuân thủ chế độ kế toán, luật kế toán và các quy định, văn bản hướng dẫn; (ii) kiểm toán việc tổng hợp và lập báo cáo quyết toán NSNN của cơ quan, đơn vị.”

1.2.4. Quy trình kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Theo Nguyễn Quang Quỳnh và Nguyễn Thị Phương Hoa (2017), quy trình kiểm toán được thực hiện theo quy trình chung với 03 bước cơ bản như sau:

“- Chuẩn bị kiểm toán: Bao gồm tất cả các công việc khác nhau nhằm tạo được cơ sở pháp lý, kế hoạch kiểm toán cụ thể và các điều kiện vật chất cho công tác kiểm toán, gồm các nội dung cơ bản như sau:

+ Khảo sát, thu thập và đánh giá thông tin đã được thu thập, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ;

+ Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm toán tổng quát;

+ Lập và phê duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết;

+ Ban hành quyết định kiểm toán; phổ biến quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán tổng quát và cập nhật kiến thức, trao đổi kinh nghiệm cho thành viên đoàn kiểm toán;

+ Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đoàn kiểm toán.

- Thực hiện kiểm toán: Gồm tất cả các công việc thực hiện chức năng xác minh của kiểm toán nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán để khẳng định thực chất của đối tượng và khách thể kiểm toán cụ thể.

- + Công bố quyết định kiểm toán;
- + Tiến hành kiểm toán theo các nội dung trong quyết định và kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- Kết thúc kiểm toán: Gồm các công việc đưa ra kết luận kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán và giải quyết các công việc phát sinh sau khi lập báo cáo kiểm toán.
- + Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo kiểm toán; gửi báo cáo kiểm toán cho đơn vị được kiểm toán;
- + Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán”.

Kiểm toán nhà nước (2015) quy định quy trình kiểm toán của KTNN chuyên ngành đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ như sau:

“- Chuẩn bị kiểm toán: Gồm các công việc được thực hiện nhằm thu thập thông tin, xây dựng kế hoạch kiểm toán và chuẩn bị các điều kiện khác phục vụ công tác kiểm toán.

+ Khảo sát, thu thập thông tin: Dựa trên phương án, kế hoạch kiểm toán hàng năm được lãnh đạo Kiểm toán nhà nước phê duyệt, kiểm toán nhà nước chuyên ngành thực hiện khảo sát, thu thập thông tin về số liệu chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ thông qua các đầu mối tại các bộ (cụ thể là Vụ Kế hoạch – Tài chính). Trên cơ sở thông tin thu thập được, kiểm toán nhà nước chuyên ngành đánh giá, xác định trọng tâm và các mục tiêu trọng yếu trong kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

+ Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch kiểm toán ngân sách nhà nước của các bộ: Kiểm toán nhà nước thực hiện quy trình lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch kiểm toán tổng quát dựa trên các đánh giá về dữ liệu, thông tin được thu thập về tình hình quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Sau khi kế hoạch kiểm toán tổng quát được duyệt, các tổ trưởng tổ kiểm toán xây dựng kế hoạch kiểm toán chi tiết đối với mỗi tổ kiểm toán tương ứng, phù hợp với tính chất đặc thù của từng đơn vị được kiểm toán.

+ Ban hành quyết định kiểm toán, phổ biến kế hoạch kiểm toán tổng quát, quyết định kiểm toán và cập nhật kiến thức về kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ: Sau khi được lãnh đạo Kiểm toán nhà nước ký ban hành, trưởng đoàn kiểm toán tổ chức họp, thông báo quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán tổng quát và trao đổi, cập nhật kiến thức chuyên môn và pháp luật có liên quan cho các thành viên đoàn kiểm toán. Hoạt động này thường được tổ chức trước khi bắt đầu cuộc kiểm

toán, nhằm đảm bảo toàn bộ đoàn kiểm toán nắm rõ những thông tin, kiến thức cần thiết cho cuộc kiểm toán.

- Thực hiện kiểm toán: Trưởng đoàn, tổ trưởng tổ kiểm toán tổ chức thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán tổng quát và kế hoạch kiểm toán chi tiết được duyệt. Nội dung kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ bao gồm ba nội dung chính như sau:

+ Kiểm toán công tác lập, phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo từng năm.

+ Kiểm toán công tác chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ theo dự toán đã được duyệt và những điều chỉnh dự toán trong năm.

+ Kiểm toán công tác quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước các bộ.

- Lập và gửi báo cáo kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ: Sau khi kết thúc kiểm toán tại đơn vị, kiểm toán nhà nước chuyên ngành thực hiện lập, thẩm định, trình phê duyệt báo cáo kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Tổ kiểm toán lập thông báo kết quả kiểm toán đối với từng đơn vị được kiểm toán. Sau đó, đoàn kiểm toán tổ chức thông báo kết luận, kiến nghị kiểm toán đối với các bộ và đơn vị có liên quan. Kiểm toán nhà nước chuyên ngành thực hiện kiểm tra kết luận, kiến nghị kiểm toán nhằm đôn đốc các bộ thực hiện những kết luận, kiến nghị mà kiểm toán nhà nước chuyên ngành đã chỉ ra thông qua hoạt động kiểm toán”.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

1.3.1. Các nhân tố thuộc về kiểm toán nhà nước chuyên ngành

- Sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo KTNN chuyên ngành đối với công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ: Lãnh đạo KTNN chuyên ngành luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao đối với nhiệm vụ kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ bởi đây là một trong những chức năng, nhiệm vụ nổi bật của KTNN. Bên cạnh đó, lãnh đạo KTNN chuyên ngành vô cùng chú trọng tới công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ KTV thực hiện kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ. Điều này đã tạo điều kiện cho các kiểm toán nhà nước chuyên ngành thực hiện công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ thuận lợi hơn, đạt chất lượng, kết quả cao và ngược lại.

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của KTNN chuyên ngành trong kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ: Đây là một trong những yếu tố quan trọng, giúp quá trình kiểm toán trở nên thuận lợi hơn thông qua công tác lưu trữ, số hóa hồ sơ, báo cáo, tài liệu về cơ quan, đơn vị được kiểm toán. Từ đó, KTV dễ dàng thu thập, khai thác và xử lý các thông tin có liên quan. Bên cạnh đó, KTNN đang tiếp tục nghiên cứu, triển khai việc khai thác thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán của các bộ, nhằm tạo sự thuận lợi trong công tác kiểm toán và ngược lại.

- Các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ: Trong thời đại phát triển KHCN, việc sử dụng các trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đem lại hiệu quả cao trong hoạt động kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, đồng thời tiết kiệm thời gian, công sức của các KTV và ngược lại. Các trang thiết bị chủ yếu được sử dụng trong công tác kiểm toán có thể kể đến bao gồm máy tính xách tay, máy in, máy scan... và các phương tiện khác.

1.3.2 Các nhân tố thuộc về môi trường bên ngoài kiểm toán nhà nước chuyên ngành

- Các quy định, văn bản pháp luật liên quan đến chi thường xuyên NSNN và kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ: Bao gồm Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản, quy định pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên NSNN của các bộ; các quy định của pháp luật về hoạt động kiểm toán của KTNN chuyên ngành đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ. Nếu các văn bản, quy định pháp luật cụ thể, rõ ràng, không chồng chéo và xung đột với nhau sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Nếu các quy định phức tạp, thậm chí không đầy đủ có thể gây khó khăn, ảnh hưởng tới tiến độ, chất lượng công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ.

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội có ảnh hưởng lớn tới chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong quản lý chi thường xuyên NSNN của các bộ. Có thể nói tình hình phát triển kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới nội dung trọng tâm kiểm toán của KTNN chuyên ngành đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ. Nếu tình hình phát triển kinh tế - xã hội phức tạp có thể gây khó khăn cho công tác kiểm toán, do phát sinh nhiều vấn đề trong sử dụng kinh phí chi thường xuyên NSNN.

- Sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo cơ quan kiểm toán cấp trên: Lãnh đạo KTNN luôn chú trọng, quan tâm chỉ đạo nhiệm vụ kiểm toán của KTNN chuyên ngành đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ bởi đây là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của KTNN. Điều này đã tạo điều kiện cho các KTNN chuyên ngành thực

hiện công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ thuận lợi hơn, đạt chất lượng, kết quả cao và ngược lại.

- Năng lực, ý thức tuân thủ pháp luật và sự phối hợp của các bộ được kiểm toán: Nếu đơn vị được kiểm toán có trình độ chuyên môn, ý thức tuân thủ pháp luật tốt thì công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ sẽ vô cùng thuận lợi, suôn sẻ. Ngược lại, cán bộ, công chức của đơn vị được kiểm toán không có ý thức tuân thủ pháp luật tốt, thiếu sự phối hợp với KTNN chuyên ngành trong hoạt động kiểm toán thì hiệu quả kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ sẽ bị giảm đi đáng kể, thậm chí không đạt được mục tiêu kiểm toán đã được duyệt.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH II ĐỐI VỚI CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ

2.1. Khái quát về Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II và thực trạng chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

2.1.1. Khái quát về Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II

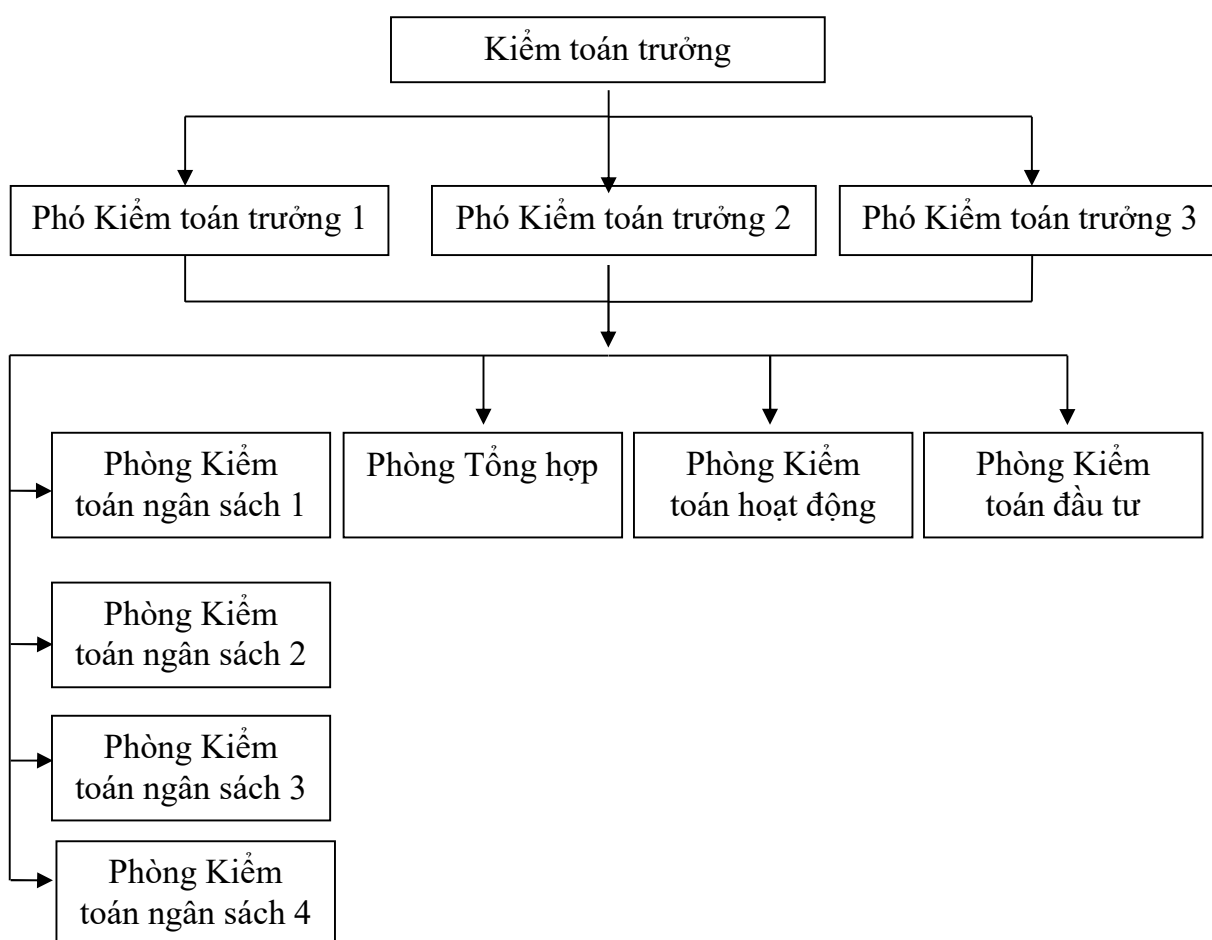
Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II được thành lập vào ngày 15/9/2005 theo Nghị quyết số 916/2005/NQ-UBTVQH11 về cơ cấu tổ chức của KTNN.

Kiểm toán nhà nước (2020) quy định “Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II có chức năng giúp Tổng Kiểm toán nhà nước đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan trung ương khác thuộc lĩnh vực kinh tế, tổng hợp”. Danh sách các bộ, cơ quan trung ương thuộc phạm vi kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II gồm:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (trừ Tổng cục Dự trữ Nhà nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công thương;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Bộ Xây dựng;
- Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam.

Cơ cấu bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II được tổ chức theo sơ đồ sau:



Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức của KTNN chuyên ngành II

Nguồn: Cơ cấu tổ chức của KTNN chuyên ngành II

Đội ngũ cán bộ, công chức của KTNN chuyên ngành II giai đoạn 2021 – 2023 được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 2.1: Tình hình nhân lực của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II
giai đoạn 2021 – 2023**

Đơn vị tính: Người

STT	NỘI DUNG	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
	Tổng	90	82	77
1	Theo bộ phận			
1.1	Lãnh đạo	5	4	4
1.2	Phòng Tổng hợp	14	12	11
1.3	Phòng Kiểm toán ngân sách 1	12	12	11
1.4	Phòng Kiểm toán ngân sách 2	12	9	8
1.5	Phòng Kiểm toán ngân sách 3	11	11	10
1.6	Phòng Kiểm toán ngân sách 4	11	12	11
1.7	Phòng Kiểm toán đầu tư	14	12	12
1.8	Phòng Kiểm toán hoạt động	11	10	10
2	Theo ngạch			
2.1	Kiểm toán viên cao cấp	2	2	2
2.2	Kiểm toán viên chính	32	29	26
2.3	Kiểm toán viên	46	40	41
2.4	Chuyên viên	10	11	8
3	Theo trình độ			
3.1	Tiến sĩ	3	3	3
3.2	Thạc sĩ	49	48	51
3.3	Kỹ sư, cử nhân	38	31	23

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2021, 2022 và 2023 của KTNN chuyên ngành II

Bảng số liệu trên cho thấy, đội ngũ nhân lực của KTNN chuyên ngành II có xu hướng giảm dần qua từng năm, từ 90 người vào năm 2021 xuống còn 77 người vào năm 2023 do cơ chế tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, có hiệu lực thi hành từ 20/7/2023. Mặc dù tổng số nhân lực giảm nhưng phân bổ nhân lực theo các bộ phận

và ngạch tương đối ổn định. Không có sự thay đổi quá lớn về tỷ lệ nhân viên ở các phòng ban khác nhau. Tỷ lệ nhân lực có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ khá cao và tương đối ổn định qua các năm, cho thấy đơn vị luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ của đội ngũ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc kiểm toán. Do đặc thù nhiệm vụ được lãnh đạo KTNN phân công tập trung kiểm toán chi thường xuyên NSNN tại các Bộ, nên số lượng phòng kiểm toán ngân sách nhiều hơn so với kiểm toán dự án đầu tư; phần lớn nhân sự của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II là KTV chính, KTV và chuyên viên, là lực lượng chủ chốt thực hiện công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ. Số lượng KTV, chuyên viên có trình độ thạc sĩ cao, thể hiện mặt bằng chung về chuyên môn, nghiệp vụ cao, đủ điều kiện thực hiện công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ.

2.1.2. Thực trạng chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ thuộc phạm vi kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II

Bảng 2.2: Tình hình chi thường xuyên NSNN của các bộ thuộc phạm vi kiểm toán của KTNN chuyên ngành II

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Bộ	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Bộ Tài chính	19.256.333	19.685.958	18.400.884
2	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2.134.346	1.835.314	1.719.461
3	Bộ Ngoại giao	2.226.115	2.198.597	1.477.383
4	Bộ Nội vụ	376.045	402.571	423.919
5	Bộ Tư pháp	1.900.550	1.884.272	2.301.471
6	Bộ Công thương	3.600.261	3.321.029	3.518.670
7	Bộ Giao thông vận tải	672.847	949.820	653.585
8	Bộ Tài nguyên và Môi trường	973.745	2.028.412	2.063.971
9	Bộ Thông tin và Truyền thông	480.144	741.473	686.221
10	Bộ Xây dựng	506.081	490.229	484.952
11	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.570.431	1.413.782	2.304.481

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

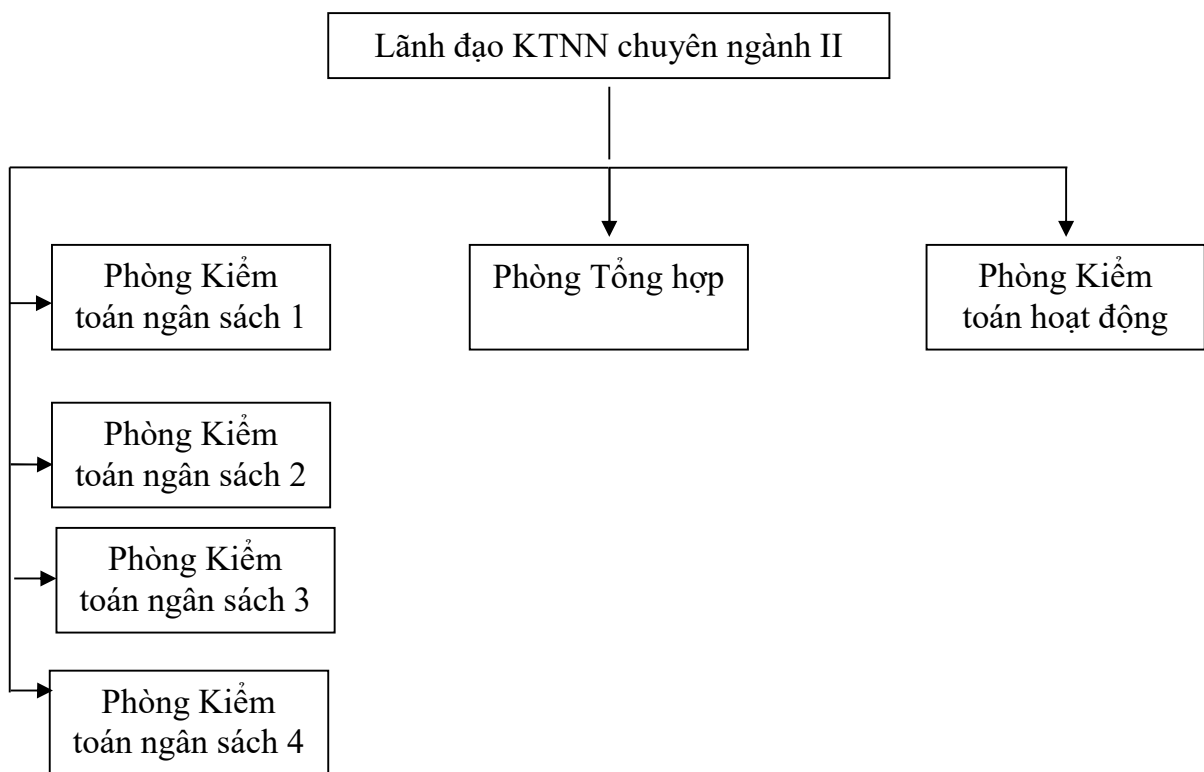
Bảng số liệu trên chỉ ra rằng, ngân sách chi thường xuyên của các bộ có xu hướng giảm dần qua các năm, trừ một vài bộ, ngành đặc thù. Điều này có được là do chỉ đạo của chính phủ trong giai đoạn 2021 – 2023, trong đó tập trung tiết kiệm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, nhằm trích lập nguồn ngân sách cải cách tiền lương cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, chính phủ cũng chỉ đạo các bộ, ngành, cơ quan trung ương thực hiện cắt giảm triệt để các khoản chi thường xuyên liên

quan tới hội thảo, hội nghị, kỉ niệm, các đoàn công tác trong và ngoài nước để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, năm ngoài xu hướng giảm chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, một số bộ gia tăng chi thường xuyên ngân sách nhà nước, điển hình là bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nguyên nhân của sự gia tăng này là việc đẩy mạnh chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề, cụ thể là tăng chi đào tạo dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, do đây là nhiệm vụ quan trọng trong Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2022 – 2025.

2.2. Thực trạng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

2.2.1. Thực trạng bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với công tác chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ được thể hiện theo sơ đồ sau:



Hình 2.2: Bộ máy kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Kiểm toán nhà nước (2020) quy định về bộ máy kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ như sau:

“- Kiểm toán trưởng: Có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II và chịu trách nhiệm trước Tổng Kiểm toán nhà nước, trước pháp luật về việc quản lý, điều hành Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II trong lĩnh vực kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Chủ động tổ chức thực hiện lập kế hoạch kiểm toán, tổ chức thực hiện kiểm toán và tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

- Phó kiểm toán trưởng: Giúp kiểm toán trưởng chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

- Các phòng nghiệp vụ: Thu thập, cập nhật thông tin các bộ, ngành, cơ quan trung ương thuộc nhiệm vụ kiểm toán của kiểm toán nhà nước chuyên ngành. Nghiên cứu, đề xuất, tham gia ý kiến trong công tác tổ chức kiểm toán, xây dựng văn bản trong lĩnh vực kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ; tham mưu, giúp kiểm toán trưởng tổ chức thực hiện đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

+ Phòng Tổng hợp: Tham mưu giúp kiểm toán trưởng tổ chức thực hiện các mặt công tác về lĩnh vực kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ: Lập kế hoạch công tác, kế hoạch kiểm toán hàng năm, trung hạn, trung hạn, dài hạn và kế hoạch kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; quản lý việc thực hiện kế hoạch công tác, kế hoạch kiểm toán và kế hoạch kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán; thẩm định kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán, báo cáo kiểm toán; công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán; lưu trữ, quản lý và khai thác hồ sơ kiểm toán; tổng hợp kết quả công tác của đơn vị, kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán. Chủ trì tổng hợp, thiết lập và lưu trữ hệ cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, cơ quan trung ương từ các phòng cung cấp để phục vụ công tác kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

+ Các phòng Kiểm toán ngân sách 1, 2, 3, 4 và phòng Kiểm toán hoạt động: Phối hợp với phòng Tổng hợp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm và kế hoạch công tác chung của đơn vị; giúp kiểm toán trưởng tổ chức thực hiện đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị kiểm toán; theo dõi, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho công tác lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán theo sự phân công của kiểm toán trưởng; phối hợp với phòng Tổng hợp cập nhật và thiết lập

hệ cơ sở dữ liệu lập kế hoạch kiểm toán đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ thuộc phạm vi kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II theo sự phân công của kiểm toán trưởng.”

Bảng 2.3: Phân công nhiệm vụ theo dõi, khảo sát, thu thập thông tin và cập nhật, xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm toán của các phòng nghiệp vụ của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

STT	Phòng	Bộ được kiểm toán
1	Phòng KTNS 1	1. Bộ Tài chính 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư 3. Bộ Xây dựng
2	Phòng KTNS 2	1. Bộ Giao thông vận tải 2. Bộ Ngoại giao
3	Phòng KTNS 3	1. Bộ Công thương 2. Bộ Tư pháp
4	Phòng KTNS 4	1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2. Bộ Thông tin và Truyền thông 3. Bộ Nội vụ
5	Phòng KT hoạt động	1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Ngoài các nhiệm vụ và chức năng chung, mỗi phòng kiểm toán ngân sách sẽ phụ trách theo dõi, thu thập thông tin của một vài bộ theo sự phân công của kiểm toán trưởng. Ví dụ, phòng Kiểm toán ngân sách 3 phụ trách Bộ Công thương, đảm nhận nhiệm vụ đầu mối liên hệ với Bộ Công thương, phối hợp với Bộ Công thương trong những công việc như nắm bắt, thu thập thông tin, tình hình chi thường xuyên NSNN, từ đó đề xuất cho kiểm toán trưởng tổ chức lập KHKT. Bên cạnh đó, phòng Kiểm toán ngân sách 3 cũng thực hiện kiểm tra kết luận, kiến nghị kiểm toán đối với Bộ Công thương, đồng thời theo dõi, cập nhật tiến độ việc khắc phục những sai sót đã được chỉ ra thông qua quá trình kiểm toán tại Bộ Công thương.

Theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước (2015) và các quy định khác có liên quan, khi thực hiện một cuộc kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, bộ máy nhân sự kiểm toán tại KTNN chuyên ngành II được tổ chức theo mô hình đoàn kiểm toán. Thành phần đoàn kiểm toán bao gồm:

“- Trưởng đoàn kiểm toán: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện kiểm toán, phân công nhiệm vụ cho các phó trưởng đoàn kiểm toán và các tổ trưởng tổ kiểm toán; chỉ đạo điều hành đoàn kiểm toán thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán. Trưởng đoàn kiểm toán thường là phó kiểm toán trưởng hoặc trưởng phòng, nhằm bảo đảm sự quản lý, điều hành thông suốt, hiệu quả đối với đoàn kiểm toán.

- Các phó trưởng đoàn kiểm toán: Giúp trưởng đoàn kiểm toán thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng đoàn kiểm toán. Thông thường, một đoàn kiểm toán có từ một tới hai phó trưởng đoàn, đồng thời kiêm nhiệm vụ tổ trưởng.

- Các tổ trưởng tổ kiểm toán: Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên tổ kiểm toán; chỉ đạo, điều hành các thành viên tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán theo kế hoạch được duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của trưởng đoàn kiểm toán về tiến độ thực hiện, tình hình và kết quả kiểm toán; tổng hợp kết quả kiểm toán, lập biên bản kiểm toán tại từng đơn vị được kiểm toán. Theo quy định của Kiểm toán nhà nước, tổ trưởng tổ kiểm toán phải là KTV, đồng thời là phó phòng trở lên, hoặc không phải lãnh đạo nhưng phải kiểm toán viên chính. Vì vậy, tổ trưởng tổ kiểm toán thường là phó phòng hoặc trưởng phòng, do đặc thù yêu cầu cao cả về kiến thức chuyên môn và kỹ năng quản lý.

- Các thành viên: Chấp hành sự phân công, hoàn thành nhiệm vụ kiểm toán và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm toán với trưởng đoàn kiểm toán, tổ trưởng tổ kiểm toán; thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán; ghi nhật ký kiểm toán và tài liệu làm việc của KTV nhà nước; lưu giữ, bảo quản hồ sơ kiểm toán theo quy định của pháp luật. Các thành viên là các KTV, chuyên viên thuộc các phòng kiểm toán ngân sách 1, 2, 3, 4, phòng kiểm toán hoạt động và phòng tổng hợp có chuyên môn về kinh tế, tài chính, kế toán.”

Bảng 2.4: Nhân lực trong bộ máy kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

STT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng		68	100,00	63	100,00	57	100,00
1	Theo bộ phận						
1.1	Phòng KTNS 1	12	17,65	12	19,05	11	19,30
1.2	Phòng KTNS 2	12	17,65	9	14,29	7	12,28
1.3	Phòng KTNS 3	11	16,18	11	17,46	10	17,54
1.4	Phòng KTNS 4	11	16,18	12	19,05	11	19,30
1.5	Phòng Tổng hợp	12	17,65	10	15,86	9	15,79
1.6	Phòng KT hoạt động	10	14,69	9	14,29	9	15,79
2	Theo kinh nghiệm công tác						
2.1	Dưới 5 năm	10	14,71	9	14,28	14	24,56
2.2	Từ 5 năm đến 10 năm	43	63,24	42	66,67	36	63,16
2.3	Trên 10 năm	15	22,05	12	19,05	7	12,28
3	Theo ngạch						
3.1	KTV chính	28	41,18	26	41,27	20	35,09
3.2	KTV	32	47,06	28	44,44	29	50,88
3.3	Chuyên viên	8	11,76	9	14,29	8	14,03
4	Theo trình độ đào tạo						
4.1	Tiến sĩ	2	2,94	1	1,58	1	1,75
4.2	Thạc sĩ	32	47,06	31	49,21	29	50,88
4.3	Đại học	34	50,00	31	49,21	27	47,37
5	Theo ngành đào tạo						
5.1	Kinh tế, tài chính, kế toán	68	100,00	62	98,41	52	91,23
5.2	Khác	0	0,00	1	1,59	5	8,77

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Từ số liệu trong bảng trên, cho thấy sự sụt giảm về tổng số lượng nhân sự qua các năm, từ 68 người vào năm 2021 xuống còn 57 người vào năm 2023 do cơ chế tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, có hiệu lực thi hành từ 20/7/2023. Các KTV, chuyên viên đảm nhận nhiệm vụ kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ đều có chuyên môn phù hợp, nhiều kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực này. Trình độ, năng lực chuyên môn của các KTV, chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ KTV, chuyên viên có trình độ thạc sĩ tăng dần qua các năm.

Hộp 2.1: Kết quả phỏng vấn sâu về bộ máy kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ

- “Bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ luôn được chú trọng tổ chức một cách hợp lý. Thành viên các đoàn kiểm toán được triệu tập từ tất cả các phòng nghiệp vụ, nhằm bảo đảm tính tổng hợp và đa dạng về kiến thức chuyên môn. Trưởng đoàn kiểm toán thường là phó kiểm toán trưởng hoặc trưởng phòng với mục tiêu tăng cường hiệu quả quản lý, triển khai cũng như giám sát công tác tổ chức thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán đã đề ra. Các kiểm toán viên sẽ không được bố trí tham gia cùng một tổ kiểm toán trong hai cuộc kiểm toán liên tiếp. Điều này tạo điều kiện để các kiểm toán viên hoàn thiện chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân, cũng như duy trì tính khách quan, độc lập trong hoạt động bố trí, sắp xếp nhân sự tham gia đoàn kiểm toán. Đối với những kiểm toán viên, chuyên viên trẻ, mới vào ngành, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II luôn bố trí, sắp xếp tham gia các tổ kiểm toán cùng các kiểm toán viên giàu kinh nghiệm, nhằm giúp các kiểm toán viên, chuyên viên mới nhanh nắm bắt công việc, học hỏi thêm nhiều kiến thức chuyên môn, từ đó nâng cao năng lực kiểm toán.”

- “Đội ngũ KTV của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II có kiến thức, trình độ chuyên môn sâu, do đó công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ luôn đạt kết quả tốt. Bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II được tổ chức chặt chẽ, quy củ, các tổ kiểm toán có sự phối hợp, liên kết với nhau trong hoạt động chuyên môn. Tuy nhiên, các kiểm toán viên Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II vẫn chưa chủ động tìm hiểu, thu thập thông tin từ cơ sở dữ liệu thông tin của đơn vị được kiểm toán, vì vậy đôi lúc công tác kiểm toán tại đơn vị còn gặp trở ngại, vướng mắc.”

Nguồn: Phỏng vấn sâu của tác giả

2.2.2. Thực trạng quy trình và nội dung kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

Trong giai đoạn 2021 – 2023, việc thực hiện quy trình, nội dung kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ tuân thủ các quy định sau:

- Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019;
- Quyết định số 02/2020/QĐ-KTNN ngày 16/10/2020 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;
- Quyết định số 08/2023/QĐ-KTNN ngày 29/5/2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;
- Quyết định số 04/2017/QĐ-KTNN ngày 31/3/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán ngân sách trung ương (bộ, ngành);
- Quyết định số 02/2018/QĐ-KTNN ngày 26/11/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 154/QĐ-KTNN ngày 18/02/2021 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Hướng dẫn kiểm toán ngân sách bộ, ngành, cơ quan trung ương của Kiểm toán nhà nước;
- Quyết định số 1450/QĐ-KTNN ngày 21/11/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Hướng dẫn kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách các bộ, cơ quan trung ương.

2.2.2.1. Thực trạng chuẩn bị kiểm toán

a. Khảo sát, thu thập và đánh giá thông tin đã thu thập

Dựa trên kế hoạch kiểm toán hàng năm, danh mục đầu mối kiểm toán của KTNN chuyên ngành II được phê duyệt, KTNN chuyên ngành II tiến hành khảo sát, thu thập và đánh giá các thông tin về đơn vị được kiểm toán, nhằm phục vụ công tác lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện kiểm toán. KTNN chuyên ngành II thành lập đoàn khảo sát, lập đề cương khảo sát gửi đơn vị được khảo sát trước khi tiến hành khảo sát. Công tác khảo sát, thu thập thông tin được thực hiện dựa trên nguyên tắc tuân thủ đề cương được duyệt, giảm thiểu tối đa khảo sát tại đơn vị. Theo Kiểm toán nhà nước (2020), việc khảo sát, thu thập thông tin nhằm mục đích: “tìm hiểu cụ thể hơn về đơn vị được kiểm toán; củng cố việc lựa chọn chủ đề của cuộc kiểm toán; xác định cụ thể nội dung, mục tiêu, phạm vi và phương tiện, thủ tục kiểm toán phù hợp”.

Đầu tiên, để thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm toán, các KTV rà soát, thu thập đầy đủ các thông tin của đơn vị được kiểm toán bao gồm:

- Đặc điểm chung của đơn vị: Bao gồm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ được kiểm toán; cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị.

- Các quy định pháp luật và các yếu tố khác ảnh hưởng tới hoạt động của đơn vị: Các văn bản, quy định pháp luật liên quan tới quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

- Các chính sách kế toán mà đơn vị đang áp dụng: Luật Kế toán và các của Bộ Tài chính văn bản hướng dẫn Luật Kế toán.

- Tình hình tài chính của đơn vị: Số dư kinh phí chi thường xuyên được chuyển nguồn từ năm trước sang năm nay; số liệu dự toán chi thường xuyên được giao trong năm và cơ cấu dự toán đối với từng thành phần chi thường xuyên.

- Tình hình quản lý, sử dụng và hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính: Tình hình thực hiện dự toán, tình hình điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN trong năm.

- Việc đo lường và đánh giá nội bộ kết quả hoạt động của đơn vị: Đánh giá kết quả hoạt động và tình hình sử dụng các khoản chi thường xuyên NSNN được giao.

- Tình hình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra tại đơn vị: Ghi nhận tình hình kiểm tra của các cơ quan thanh tra, giám sát, kiểm toán đối với lĩnh vực chi thường xuyên NSNN của bộ trong năm.

- Các thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị: Đánh giá cơ cấu tổ chức hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá hệ thống văn bản, quy định do bộ ban hành liên quan tới hoạt động kiểm soát nội bộ; đánh giá tình hình kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán.

Nguồn để Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II khảo sát đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ thường bao gồm:

- Các văn bản quy phạm pháp luật: Bao gồm các luật, nghị định, thông tư, quyết định liên quan đến quản lý, sử dụng NSNN. Các văn bản này là cơ sở pháp lý để đánh giá tính hợp pháp của các hoạt động chi tiêu.

- Các quy định, quy chế của các cấp quản lý trong bộ.

- Hệ thống kế toán của các bộ: Đây là nguồn dữ liệu chính và quan trọng nhất. bao gồm: Các khoản thu, chi NSNN; Các hợp đồng, hóa đơn chứng từ liên quan; Các báo cáo tài chính định kỳ....

- Hồ sơ, tài liệu của đơn vị được kiểm toán: các chính sách, quy định nội bộ, các văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý; báo cáo kiểm tra nội bộ.

- Các BCKT, biên bản kiểm tra và kết luận thanh tra, kiểm tra trước đây.

- Thông tin từ các cuộc họp, hội nghị: Các cuộc họp với lãnh đạo các bộ; Các cuộc họp với các đơn vị trực thuộc; Các cuộc họp với các chuyên gia, nhà khoa học...

- Các nguồn thông tin khác: Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, internet, các cuộc khảo sát, phỏng vấn...) liên quan đến chi thường xuyên NSNN của các bộ.

Dựa trên các thông tin thu thập được, đoàn khảo sát của KTNN chuyên ngành II sẽ đánh giá tính đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả, độ tin cậy, những hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ và thông tin đã thu thập làm cơ sở đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu kiểm toán.

Thông thường, đoàn khảo sát gồm năm tới mười người, thành viên đoàn khảo sát là thành viên đoàn kiểm toán. Công tác khảo sát được tiến hành trong vòng một tuần, được thực hiện thông qua việc khai thác dữ liệu bằng công nghệ thông tin từ xa trên dữ liệu điện tử của đơn vị được kiểm toán. Trường hợp khó khăn, hoặc có thể chậm tiến độ, đoàn khảo sát sẽ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin trực tiếp tại đơn vị được kiểm toán.

Bảng 2.5: Số liệu các cuộc khảo sát trước khi kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách của các bộ

STT	Năm	Số cuộc kiểm toán chi thường xuyên ngân sách của các bộ (cuộc)	Số cuộc khảo sát, thu thập thông tin (cuộc)	Số lượng KTV tham gia đoàn khảo sát (người)	Tổng thời gian khảo sát (ngày)
1	2021	3	3	15	12
2	2022	6	6	36	30
3	2023	6	6	40	30

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Dựa theo bảng số liệu nêu trên, có thể thấy toàn bộ các cuộc kiểm toán đều có khảo sát, thu thập và đánh giá thông tin của đơn vị trước khi xây dựng KHKT. Việc khảo sát đơn vị, thu thập các thông tin quan trọng và đánh giá thông tin một cách đúng đắn có vai trò quan trọng trong việc lập kế hoạch kiểm toán và tổ chức thực hiện kiểm toán, nhằm đạt kết quả tốt trong quá trình kiểm toán. Lấy ví dụ, đối với đoàn kiểm toán tại Bộ Giao thông vận tải được thực hiện năm 2023, việc thực hiện khảo sát tập trung vào công tác lập, giao, phân bổ và điều chỉnh dự toán trong năm chưa kịp thời, chưa đúng nguồn, chưa đúng định mức, từ đó xây dựng KHKT với mục tiêu trọng tâm nằm ở việc đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong việc lập, phân bổ và giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị. Do đó, kết quả kiểm toán của đoàn kiểm toán được đánh giá tốt, có chiều sâu, đưa ra những kết luận, kiến nghị chất lượng cao đối với đơn vị được kiểm toán.

Bên cạnh đó, kiểm toán trưởng cũng thành lập tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán, nhằm giám sát, kiểm soát đoàn kiểm toán về mặt chất lượng, tiến độ, việc thực hiện quy chế hoạt động kiểm toán... Tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán thực hiện kiểm soát từ khâu lập KHKT tổng quát, tới khi kết thúc, lập và phát hành BCKT. Nhân sự của tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán là các KTV được giao nhiệm vụ chỉ kiểm

soát chất lượng kiểm toán, và không phải là thành viên của bất kì đoàn kiểm toán nào tại thời điểm hoạt động của tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán.

Bảng 2.6: Số cuộc kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

STT	Năm	Số cuộc kiểm toán	Các Bộ được kiểm toán	Trong đó, kiểm toán tại		
				Cơ quan tài chính của Bộ*	Các cục, vụ trực thuộc bộ	Các đơn vị sự nghiệp công lập
1	2021	3	1. Bộ KH&ĐT	1	4	3
			2. Bộ Tài chính	1	4	5
			3. Bộ Công thương	1	7	7
2	2022	6	1. Bộ TN&MT	1	7	5
			2. Bộ NN&PTNT	1	11	1
			3. Bộ Xây dựng	1	7	8
			4. Bộ GTVT	1	6	1
			5. Bộ Ngoại giao	1	6	2
			6. Bộ TT&TT	1	7	3
3	2023	6	1. Bộ Tư pháp	1	5	5
			2. Bộ Công thương	1	1	10
			3. Bộ KH&ĐT	1	6	5
			4. Bộ NN&PTNT	1	1	15
			5. Bộ GTVT	1	3	6
			6. Bộ Tài chính	1	3	6

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

* Cơ quan tài chính của Bộ: Đối với mỗi bộ khác nhau lại có tên gọi khác nhau, cụ thể: Đối với Bộ TN&MT, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại giao, Bộ TT&TT gọi là Vụ Kế hoạch – Tài chính; Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp gọi là Cục Kế hoạch – Tài chính; Bộ Công thương gọi là Vụ Tài chính và Đối mới doanh nghiệp; Bộ NN&PTNT gọi là Vụ Tài chính; Bộ KH&ĐT gọi là Văn phòng Bộ; Bộ GTVT gọi là Vụ Tài chính.

Bảng thống kê cho thấy, số cuộc kiểm toán chi thường xuyên NSNN mỗi năm của KTNN chuyên ngành II không nhiều. Có những bộ được kiểm toán thường xuyên, liên tục (ví dụ Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Mặt khác, có những bộ chỉ được kiểm toán một lần trong ba năm (ví dụ Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông). Lý do là giá trị, khối lượng công việc được kiểm toán (cụ thể là giá trị các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ được kiểm toán) thấp, do đó KTNN chuyên ngành II không kiểm toán thường xuyên. Điều này dẫn tới rủi ro trong quản lý việc sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước ở các bộ này, tiềm ẩn nguy cơ thất thoát, lãng phí hoặc sử dụng thiếu hiệu quả các khoản kinh phí được giao.

b. Lập, thẩm định và phê duyệt KHKT tổng quát

Trên cơ sở công tác khảo sát, thu thập, phân tích và đánh giá thông tin thu thập được, KTNN chuyên ngành II tổ chức lập KHKT tổng quát. Công tác này được thực hiện với sự phối kết hợp giữa đoàn khảo sát và phòng Tổng hợp. Theo Kiểm toán nhà nước (2015), KHKT tổng quát chi thường xuyên NSNN của các bộ bao gồm những nội dung cơ bản như sau:

“- Mục tiêu kiểm toán: Kiểm tra, đánh giá và xác nhận việc tuân thủ pháp luật trong công tác chi thường xuyên NSNN; đánh giá tính hiệu quả trong quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

- Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu: Căn cứ các thông tin thu thập được trong quá trình khảo sát và kết quả phân tích, đánh giá thông tin, KTV phân tích, đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát và kết hợp lại nhằm xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu theo các mức độ; từ đó KTV đánh giá rủi ro về khả năng phát sinh của việc không tuân thủ và các hậu quả có thể xảy ra nếu việc không tuân thủ phát sinh liên quan.

- Xác định trọng yếu kiểm toán: Kiểm toán việc lập, phân bổ và giao dự toán; kiểm toán việc chấp hành dự toán; kiểm toán việc quyết toán ngân sách của bộ.

- Nội dung kiểm toán: Đánh giá, xác nhận việc tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế mà cơ quan, đơn vị được kiểm toán phải thực hiện trong lĩnh vực chi thường xuyên NSNN của các bộ.

- Phương pháp và thủ tục kiểm toán: KTNN chuyên ngành II sử dụng phương pháp kiểm toán tuân thủ; chọn mẫu, kiểm tra, đối chiếu, sử dụng thủ tục phân tích, phỏng vấn, tính toán lại nhằm kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ.

- Xác định tiêu chí kiểm toán: Đối với kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ, tiêu chí kiểm toán là tiêu chí đánh giá tính tuân thủ (luật và các văn bản hướng dẫn, các quy chế, chế độ, chính sách khác...).

- Phạm vi kiểm toán: Bao gồm thời kỳ được kiểm toán (đối với lĩnh vực chi thường xuyên NSNN của các bộ, thời kỳ được kiểm toán là niên độ ngân sách được kiểm toán và các thời kỳ trước sau có liên quan) và danh sách các cơ quan, đơn vị được kiểm toán.

- Thời hạn kiểm toán: Thời hạn không cố định, tùy vào khối lượng công việc và số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm toán. Thông thường, KTNN chuyên ngành II thực hiện kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ trong thời hạn từ 50 đến 60 ngày, phù hợp với quy định của Luật KTNN.

- Bố trí nhân sự kiểm toán: Danh sách chi tiết đoàn kiểm toán bao gồm trưởng đoàn, phó trưởng đoàn, các tổ trưởng và thành viên đoàn kiểm toán (danh sách nhân sự các tổ kiểm toán được phân chia chi tiết kèm theo).

- Kinh phí kiểm toán và các điều kiện vật chất cần thiết khác cho cuộc kiểm toán: Bao gồm dự toán kinh phí cho hoạt động kiểm toán (công tác phí cho từng thành viên đoàn kiểm toán, tiền tàu xe, vé máy bay phục vụ đi lại, tiền phòng nghỉ của các thành viên và tiền điện thoại của các tổ trưởng) và ô tô phục vụ di chuyển cho đoàn kiểm toán, các trang thiết bị văn phòng khác như máy tính xách tay, máy scan,...”

Sau khi lập KHKT tổng quát, KTNN chuyên ngành II sẽ thành lập hội đồng thẩm định, nhằm thẩm định tính đúng đắn, phù hợp của kế hoạch kiểm toán tổng quát. Hội đồng này phối hợp cùng tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán thực hiện công tác thẩm định, góp ý cho KHKT. Bước tiếp theo, KHKT tổng quát sẽ được các vụ tham mưu xét duyệt, trước khi kế hoạch được hoàn thiện, ký duyệt và phát hành bởi kiểm toán trưởng.

Bảng 2.7: Thống kê trọng yếu kiểm toán, nội dung kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

STT	Đơn vị	Trọng yếu kiểm toán	Nội dung kiểm toán
Năm 2021			
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên; công tác chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách.	Việc thực hiện các quy định về báo cáo quyết toán, trong đó số liệu kinh phí quản lý hành chính, kinh phí sự nghiệp KHCCN chuyển nhiều năm.
2	Bộ Tài chính	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên; công tác chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách; Số dư kinh phí được phép chuyển năm sau.	Việc xác định dành cắt giảm 10% chi thường xuyên để lập nguồn cải cách tiền lương; Cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước.
3	Bộ Công thương	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên; công tác chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách; Việc chi chuyển nguồn năm sau không đủ thủ tục.	Việc xác định dành cắt giảm 10% chi thường xuyên để lập nguồn cải cách tiền lương; Cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước.

STT	Đơn vị	Trọng yếu kiểm toán	Nội dung kiểm toán
Năm 2022			
1	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên NSNN; công tác thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách.	Việc cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn phòng, chống dịch, tăng đầu tư phát triển.
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên có phù hợp quy định về tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức cơ quan, đơn vị.	Việc cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19, tăng đầu tư phát triển.
3	Bộ Xây dựng	Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên có phù hợp quy định về tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức cơ quan, đơn vị.	Việc cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19, tăng đầu tư phát triển.
4	Bộ Giao thông vận tải	Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên có phù hợp quy định về tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức cơ quan, đơn vị.	Việc cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19, tăng đầu tư phát triển.
5	Bộ Ngoại giao	Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên có phù hợp quy định về tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức cơ quan, đơn vị.	Việc cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19, tăng đầu tư phát triển; giảm tối thiểu 5%-10% chi thường xuyên so với dự toán năm 2020 chi hỗ trợ NSNN đối với Học viện Ngoại giao.
6	Bộ Thông tin	Việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên có phù hợp	Việc cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài

STT	Đơn vị	Trọng yếu kiểm toán	Nội dung kiểm toán
	và Truyền thông	quy định về tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức cơ quan, đơn vị.	nước, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19, tăng đầu tư xây dựng; việc tuân thủ các quy định trong chi chuyển nguồn, nhất là các khoản chuyển nguồn lớn.
Năm 2023			
1	Bộ Tư pháp	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên; công tác thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách. Đánh giá việc chi chuyển nguồn.	Việc cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, giảm mạnh kinh phí tổ chức kỉ niệm, hội nghị; đánh giá việc quản lý, sử dụng kinh phí trích lập nguồn cải cách tiền lương.
2	Bộ Công thương	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên NSNN; công tác thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách. Đánh giá việc chi chuyển nguồn.	Đánh giá công tác điều hành dự toán kinh phí quản lý hành chính, kinh phí hoạt động lớn của một vài đơn vị (quản lý thị trường, cơ quan thương vụ ngoài nước...), kinh phí sự nghiệp kinh tế ở mức cao (chương trình khuyến công quốc gia, chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ).
3	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên NSNN; công tác chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách. Đánh giá việc chi chuyển nguồn.	Đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật trong điều chỉnh dự toán chi thường xuyên NSNN đã giao trong năm đối với chi quản lý hành chính, chi sự nghiệp kinh tế, chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo.
4	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên; công tác chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách. Đánh giá việc chi chuyển nguồn.	Thực hiện giảm tối thiểu 15% chi thường xuyên; đối với các đơn vị sự nghiệp công do NSNN bảo đảm chi thường xuyên, giảm tối thiểu 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN.
5	Bộ Giao thông	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường	Thực hiện giảm tối thiểu 15% chi thường xuyên; đối với các đơn vị sự

STT	Đơn vị	Trọng yếu kiểm toán	Nội dung kiểm toán
	vận tải	xuyên; công tác chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách. Đánh giá việc chi chuyển nguồn.	ngành công do NSNN bảo đảm chi thường xuyên, giảm tối thiểu 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN.
6	Bộ Tài chính	Việc lập, thẩm định, giao, thực hiện dự toán chi thường xuyên; công tác chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách. Đánh giá việc chi chuyển nguồn.	Đánh giá việc chi chuyển nguồn; đánh giá việc quản lý, sử dụng kinh phí trích lập nguồn cải cách tiền lương.

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Từ bảng tổng hợp trên, có thể thấy rằng trọng yếu kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ trong giai đoạn 2021 – 2023 là kiểm toán việc lập, thẩm định, phân bổ và giao dự toán. Đây là các vấn đề trọng tâm, có tác động lớn đến hiệu quả sử dụng NSNN. Kết quả kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ qua nhiều năm cho thấy, phần lớn các bộ được kiểm toán chi thường xuyên đều có nhiều sai sót ở lĩnh vực này. Mặt khác, việc lập, thẩm định, phân bổ và giao dự toán là giai đoạn đầu trong tổng thể chi thường xuyên, do vậy tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng tới việc thực hiện dự toán và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước. Ví dụ năm 2022, qua công tác khảo sát trước khi lập KHKT, KTNN chuyên ngành II nhận thấy các bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bộ Xây dựng, bộ Giao thông vận tải, bộ Ngoại giao, bộ Thông tin và Truyền thông đều chưa thực hiện cắt giảm kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm chi thường xuyên để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19. Vì vậy, KTNN chuyên ngành II xác định phạm vi trọng yếu của các cuộc kiểm toán là công tác lập, thẩm định, phân bổ và giao dự toán của các bộ. Giai đoạn này được xác định là giai đoạn đơn vị được kiểm toán có khả năng xảy ra sai sót cao, do vậy, KTV tập trung kiểm toán chuyên sâu để đơn vị được kiểm toán nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, sử dụng NSNN.

c. Lập và phê duyệt KHKT chi tiết

Căn cứ KHKT tổng quát và các thông tin, số liệu được thu thập từ bước khảo sát, tổ trưởng tổ kiểm toán phân tích số liệu, thông tin, đánh giá mức độ rủi ro, xác định cách tiếp cận đối với mỗi nội dung kiểm toán; xác định thời gian thực hiện, danh sách nhân sự mỗi nội dung kiểm toán, từ đó xây dựng KHKT chi tiết. Tổ trưởng trình trưởng đoàn phê duyệt trước khi trình Tổng KTNN ký quyết định kiểm toán.

Theo bảng tổng hợp dưới đây, có thể thấy số tổ kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ dao động trong khoảng từ 4 đến 5 tổ kiểm toán, trường hợp đặc biệt có thể lên tới 7 hoặc 8 tổ. Theo quy định của KTNN chuyên ngành II, số thành viên của tổ kiểm toán thường là 4 hoặc 5 thành viên. Trường hợp khối lượng, nhiệm vụ kiểm toán nhiều, có thể nâng số lượng thành viên mỗi tổ kiểm toán lên 5 thành viên, tính cả tổ trưởng. Luật Kiểm toán nhà nước quy định, thời gian kiểm toán đối với mỗi cuộc kiểm toán không vượt quá 60 ngày làm việc. Vì vậy, căn cứ quy định trên, KTNN chuyên ngành II thường tiến hành kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ trong khoảng 55 đến 60 ngày làm việc.

Bảng 2.8: KHKT chi tiết về kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ

STT	Năm/Bộ được kiểm toán	Số tổ kiểm toán	Số thành viên mỗi tổ	Số đợt làm việc	Tổng số ngày làm việc	Địa điểm
1	Năm 2021					
1.1	Bộ KH&ĐT	3	3	2	60	Tại đơn vị
1.2	Bộ Tài chính	4	4	2	60	Tại đơn vị
1.3	Bộ Công thương	8	3	2	50	Tại đơn vị
2	Năm 2022					
2.1	Bộ TN&MT	5	3	2	60	Tại đơn vị
2.2	Bộ NN&PTNT	5	3	2	60	Tại đơn vị
2.3	Bộ Xây dựng	5	3	2	60	Tại đơn vị
2.4	Bộ GTVT	4	3	2	60	Tại đơn vị
2.5	Bộ Ngoại giao	3	3	2	60	Tại đơn vị
2.6	Bộ TT&TT	4	3	2	60	Tại đơn vị
3	Năm 2023					
3.1	Bộ Tư pháp	4	3	2	55	Tại đơn vị
3.2	Bộ Công thương	4	4	2	55	Tại đơn vị
3.3	Bộ KH&ĐT	4	3	2	55	Tại đơn vị
3.4	Bộ NN&PTNT	7	3	2	60	Tại đơn vị
3.5	Bộ GTVT	5	5	2	60	Tại đơn vị
3.6	Bộ Tài chính	4	4	2	60	Tại đơn vị

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

KHKT chi tiết tuân thủ KHKT tổng quát, theo quy định của Kiểm toán nhà nước (2015) bao gồm các nội dung sau:

- “- Thông tin cơ bản về đơn vị và tình hình quản lý tài chính;
- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và phân tích thông tin đã thu thập;
- Đánh giá mức độ rủi ro có sai sót trọng yếu;
- Xác định trọng yếu kiểm toán;
- Mục tiêu kiểm toán;
- Nội dung, phương pháp, thủ tục kiểm toán;
- Chọn mẫu kiểm toán;
- Phân công nhiệm vụ kiểm toán cho thành viên tổ kiểm toán và dự kiến tiến độ thời gian, địa điểm thực hiện công việc;
- Phạm vi, giới hạn kiểm toán;
- Thời gian dự kiến thực hiện;
- Các tài liệu khác theo quy định của KTNN.”

Ở giai đoạn này, tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán tiếp tục kiểm soát, cho ý kiến về những vấn đề còn tồn tại trong kế hoạch kiểm toán chi tiết, từ đó giảm thiểu các rủi ro cho các tổ kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán sau này.

d) Ban hành quyết định kiểm toán, phổ biến KHKT, quyết định kiểm toán và cập nhật kiến thức, trao đổi chuyên môn cho thành viên đoàn kiểm toán

Sau khi KHKT tổng quát và KHKT chi tiết được duyệt, Tổng KTNN ký ban hành quyết định kiểm toán. KTNN chuyên ngành II gửi quyết định kiểm toán cho đơn vị được kiểm toán, đồng thời gửi cho từng thành viên đoàn kiểm toán. Thời hạn gửi kế hoạch kiểm toán theo quy định là ba ngày làm việc.

Căn cứ trên quyết định kiểm toán và KHKT được duyệt, trưởng đoàn kiểm toán tổ chức họp đoàn kiểm toán, nhằm phổ biến nội dung KHKT tổng quát và quyết định kiểm toán, quy chế tổ chức hoạt động của đoàn kiểm toán và các quy định khác có liên quan; đặc biệt nhấn mạnh lưu ý các nội dung kiểm toán trọng yếu. Cuộc họp này được thực hiện với mục đích để các thành viên đoàn kiểm toán nắm vững và hiểu thống nhất mục tiêu, nội dung, yêu cầu, rủi ro, trọng yếu, phạm vi, giới hạn và thời gian tiến hành cuộc kiểm toán. Bên cạnh đó, trưởng đoàn cũng cập nhật kiến thức, cũng như trao đổi kinh nghiệm chuyên môn cho các thành viên đoàn kiểm toán. Các quy định của pháp luật, các cơ chế, chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính, kế toán được áp dụng trong cuộc kiểm toán cũng được đưa ra phổ biến, trao đổi, từ đó đảm bảo khâu chuẩn bị tốt trước khi thực hiện kiểm toán (trong giai đoạn 2021 – 2023, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, trong đó chỉ đạo các cơ quan, bộ,

ban, ngành thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, nhằm bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19; đồng thời, cắt giảm triệt để kinh phí cho các lễ kỉ niệm, hội nghị để tăng ngân sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng).

Bảng 2.9: Tổng hợp số liệu quyết định kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN trong giai đoạn 2021 – 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	2021	2022	2023
1	Số quyết định kiểm toán ban hành	Quyết định	3	6	6
2	Số buổi họp phổ biến quyết định, kế hoạch kiểm toán và cập nhật kiến thức	Buổi họp	3	6	6
3	Thời gian trung bình của một buổi họp	Phút	40	40	45
4	Số lượt người tham gia trung bình mỗi buổi họp	Người	35	32	30

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Từ các số liệu trên, có thể thấy KTNN chuyên ngành II đã tăng cường hoạt động kiểm toán bằng cách tăng số lượng các đoàn kiểm toán đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về kiểm soát và giám sát trong việc sử dụng, quản lý các khoản chi thường xuyên NSNN của các bộ.

Ngoài ra, KTNN chuyên ngành II cũng chú trọng công tác đào tạo nhân sự, chia sẻ kinh nghiệm của các cán bộ, công chức trong chuyên ngành như: tổ chức nhiều buổi họp chia sẻ thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao chuyên môn và ý thức của cán bộ, công chức về kết quả kiểm toán và các vấn đề liên quan.

Như vậy, có thể thấy 100% các cuộc kiểm toán thực hiện tổ chức họp phổ biến KHKT tổng quát, quyết định kiểm toán và cập nhật, trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn trước khi tiến hành kiểm toán. Thời gian họp có xu hướng tăng, nguyên nhân chủ yếu do số lượng lớn các văn bản pháp luật mới được ban hành và sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành. Việc này đóng góp không nhỏ vào công tác kiểm toán của KTNN chuyên ngành II để KTNN chuyên ngành II dần được hoàn thiện theo hướng “gọn nhưng chất” tăng cường trau dồi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp để các cán bộ, công chức đưa ra những kết luận, kiến nghị chặt chẽ hơn, xúc tích hơn, hiệu quả hơn góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao hơn, cần tiếp tục hoàn thiện công tác kiểm toán theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Cụ thể, cần tập trung vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ kiểm

toán, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình kiểm toán, và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng.

Hộp 2.2: Kết quả phỏng vấn sâu về giai đoạn chuẩn bị kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ

- “Để bảo đảm thực hiện kế hoạch kiểm toán trung hạn, kế hoạch kiểm toán hàng năm được duyệt, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đã quan tâm, sát sao trong công tác lập kế hoạch kiểm toán đối với từng cuộc kiểm toán, đặc biệt là công tác khảo sát, thu thập thông tin. Đây là giai đoạn quan trọng, vì thông tin thu thập được sẽ quyết định tới nội dung, trọng yếu kiểm toán, do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả kiểm toán sau này.”

- “Đối với từng cuộc kiểm toán, công tác khảo sát, thu thập thông tin được Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II thực hiện khá đầy đủ, đúng trình tự, nội dung theo quy định. Về phía đơn vị được kiểm toán, đơn vị luôn chủ động chuẩn bị tài liệu, thông tin cần thiết của đơn vị phục vụ công tác khảo sát, thu thập thông tin để lập kế hoạch kiểm toán. Việc phối hợp giữa Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II và đơn vị được kiểm toán trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán luôn diễn ra suôn sẻ, trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau.”

Nguồn: Phỏng vấn sâu của tác giả

2.2.2.2. Thực trạng thực hiện kiểm toán

a. Công bố quyết định kiểm toán

Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II phối hợp với đơn vị được kiểm toán tổ chức họp, công bố quyết định kiểm toán.

b. Tiến hành kiểm toán

Dựa trên các quy trình, chuẩn mực, quy định của pháp luật liên quan đến công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ, KTNN chuyên ngành II tiến hành kiểm toán theo các nội dung trong KHKT được duyệt. Công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ được thực hiện theo các nội dung chính như sau:

- Kiểm toán việc lập, phân bổ và giao dự toán: (i) Kiểm toán việc lập, phân bổ và giao dự toán có phù hợp với quy định pháp luật không; (ii) kiểm toán việc thực hiện cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, hội thảo, tổ chức kỉ niệm, công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm tối thiểu 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19, tăng đầu tư phát triển; (iii) kiểm toán thực hành tiết kiệm tối thiểu 15% chi thường xuyên của các đơn vị được áp dụng cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù; (iv) kiểm toán định mức phân bổ ngân sách nhà nước cho chi thường xuyên; (v) đánh giá

việc thực hiện các quy định về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên đã giao cho các đơn vị sử dụng NSNN; (vi) kiểm toán việc chi chuyển nguồn.

Để thực hiện công tác này, các KTV của KTNN chuyên ngành II thu thập, nghiên cứu hồ sơ, tài liệu về quá trình lập dự toán; các văn bản làm cơ sở để thẩm định dự toán; căn cứ để bộ phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc bộ. Sau đó, KTV tiến hành đối chiếu, so sánh các tài liệu đã thu thập được với các văn bản, quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập, thẩm định và giao dự toán. Mặt khác, KTV cũng cần nhận biết, xác định cơ chế đặc thù của từng đơn vị được kiểm toán, để đưa ra xét đoán rằng liệu quy trình, nội dung lập, thẩm định và giao dự toán của bộ có phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn 2021 – 2023 hay không. Từ đó, KTV đưa ra kết luận cuối cùng về sự phù hợp của việc lập, thẩm định, phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên NSNN của đơn vị được kiểm toán.

Số liệu ở bảng dưới đây cho thấy trong giai đoạn 2021 – 2023, tất cả các bộ được kiểm toán bởi KTNN chuyên ngành II có sai sót trong khâu lập, thẩm định, phân bổ và giao dự toán. Trong các nội dung kiểm toán cụ thể của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ, nội dung sai phạm trong định mức phân bổ dự toán xuất hiện nhiều nhất. Nguyên nhân của tình trạng này là do các bộ không tuân thủ chặt chẽ quy định, định mức của Bộ Tài chính trong lập dự toán; một số bộ thực hiện vận dụng định mức dự toán đối với các công việc chưa có định mức, do vậy việc lập, thẩm định và giao dự toán là thiếu cơ sở. Giá trị dự toán được đề nghị điều chỉnh có xu hướng giảm dần, thể hiện rằng mặc dù vẫn còn một vài sai sót chưa khắc phục được qua các năm, nhưng các bộ đã có ý thức tuân thủ pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Bộ Tài chính trong lập, thẩm định, phân bổ và giao dự toán.

Bảng 2.10: Tình hình kiểm toán việc lập, phân bổ và giao dự toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

Đơn vị tính: đơn vị

STT	Nội dung	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023		
		Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL	Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL	Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL
1	Số đơn vị được kiểm toán	3	15	15	6	44	20	6	19	47
2	Số đơn vị phát hiện sai phạm	2	9	12	4	41	18	5	12	42
2.1	Sai phạm trong việc lập, phân bổ và giao dự toán	2	5	4	3	18	12	6	8	24
2.2	Sai phạm trong cắt giảm kinh phí chi thường xuyên	2	8	7	3	35	15	3	9	32
2.3	Sai phạm trong định mức phân bổ dự toán	2	3	3	2	16	7	3	8	16
2.4	Sai phạm trong điều chỉnh dự toán	1	2	4	2	19	7	2	8	17
2.5	Sai phạm trong chi chuyển nguồn	2	8	7	2	35	16	4	6	26
3	Tổng số tiền đề nghị điều chỉnh dự toán (triệu đồng)	31.501			22.404			4.703		

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

- Kiểm toán việc chấp hành dự toán: Đánh giá việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí: Chi quản lý hành chính, chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo dạy nghề, chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học...

Các nguồn kinh phí quản lý hành chính, kinh phí cho sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo dạy nghề và kinh phí nghiên cứu khoa học là những khoản chi thường xuyên lớn, chiếm tỉ trọng cao trong tổng chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Do đó, khi thực hiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, các KTV sẽ tập trung nghiên cứu, đánh giá các khoản chi này. Mặc dù mỗi bộ có những tính chất, đặc thù khác nhau, nhưng ba khoản chi này luôn là những khoản chi cơ bản. Căn cứ vào dự toán được giao và các quy định pháp luật có liên quan, KTV tiến hành so sánh, đối chiếu, đánh giá sự phù hợp của ba khoản chi này. Trong trường hợp các khoản chi trên được sử dụng không đúng mục đích, hoặc hết nhiệm vụ chi, KTV có thể yêu cầu thu hồi khoản kinh phí thừa, kinh phí được sử dụng không đúng mục đích này.

Bảng số liệu dưới đây cho thấy, 100% các bộ đều có sai phạm trong chi quản lý hành chính. Mặc dù được kiểm toán thường xuyên, liên tục qua nhiều năm, nhưng các bộ vẫn không khắc phục hoàn toàn được các tồn tại, hạn chế trong chi quản lý hành chính, dẫn tới tình trạng sai phạm từ năm nay qua năm khác. Ví dụ, tại cuộc kiểm toán bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2021, bộ đã chi một số nội dung công việc không có trong dự toán được duyệt với số tiền 195 triệu đồng, chi xử lý, tổng hợp điều tra số liệu thống kê vượt 50% định mức dự toán. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên, các bộ cũng thường sai sót trong chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học. Một số bộ không thực hiện đúng quy trình, nội dung chi nghiên cứu khoa học, trong đó có thể kể tới năm 2021, bộ KH&ĐT giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo hình thức trực tiếp, không qua tuyển chọn, một số nhiệm vụ không thuộc đối tượng được giao trực tiếp. Điều này tiềm ẩn nguy cơ thất thoát, lãng phí nguồn kinh phí thường xuyên dành cho nghiên cứu khoa học công nghệ.

Bảng 2.11: Tình hình kiểm toán việc chấp hành dự toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

Đơn vị tính: đơn vị

STT	Nội dung	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023		
		Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL	Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL	Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL
1	Số đơn vị được kiểm toán	3	15	15	6	44	20	6	19	47
2	Số đơn vị phát hiện sai phạm	2	9	11	4	28	13	5	12	38
3	Sai phạm trong chi quản lý hành chính	2	8	8	4	25	6	5	7	25
4	Sai phạm trong chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	6	8	0	19	9	0	5	26
5	Sai phạm trong chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học	1	8	9	1	15	8	0	8	24
6	Tổng số tiền đề nghị điều chỉnh, xử lý, thu hồi (triệu đồng)	1.144			2.798			1.418		

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

- Kiểm toán công tác quyết toán chi thường xuyên: Kiểm toán việc tuân thủ chế độ kế toán, Luật Kế toán và các văn bản, quy định hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đối với nội dung này, KTV của KTNN chuyên ngành II thực hiện kiểm tra, đối chiếu các hồ sơ, chứng từ có liên quan với các quy định của Luật Kế toán và các văn bản, quy định hướng dẫn. Dựa trên công tác kiểm toán việc thực hiện dự toán của đơn

vị được kiểm toán, KTV sẽ xác định sự phù hợp trong nội dung chi chuyển nguồn theo quy định của luật Ngân sách nhà nước (nếu có). Trong trường hợp hết nhiệm vụ chi, không đủ điều kiện chuyển nguồn thì KTV kiến nghị thu hồi kinh phí này.

Bảng 2.12: Tình hình kiểm toán công tác quyết toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

Đơn vị tính: đơn vị

STT	Nội dung	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023		
		Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL	Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL	Cơ quan tài chính của Bộ	Các cục, vụ	Các đơn vị SNCL
1	Số đơn vị được kiểm toán	3	15	15	6	44	20	6	19	47
2	Số đơn vị phát hiện sai phạm	1	3	5	2	6	7	3	5	10
3	Tổng số tiền đề nghị điều chỉnh, xử lý, thu hồi (triệu đồng)	34.542			13.561			5.693		

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Mặc dù số tiền mà Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đề nghị điều chỉnh, xử lý, thu hồi giảm qua các năm, nhưng số bộ có sai phạm trong công tác quyết toán chi thường xuyên có xu hướng gia tăng. Có thể giải thích tình trạng này là do một số bộ có vướng mắc trong quá trình thanh, quyết toán, ví dụ trong năm 2022, bộ Thông tin và Truyền thông giao dự toán cho đơn vị trực thuộc bộ vào thời điểm cuối năm, nên đơn vị không kịp hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để thanh toán cho các đề án nghiên cứu khoa học. Có trường hợp một số đơn vị trực thuộc bộ Tài nguyên và Môi trường quyết toán không đúng quy định của pháp luật, hồ sơ, chứng từ không hợp lệ (tại thời điểm kiểm toán năm 2022).

Bảng 2.13: Tình hình phát hiện sai phạm sau quá trình kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

TT	Nội dung	Cơ quan tài chính của Bộ			Các cục, vụ trực thuộc bộ			Các đơn vị sự nghiệp công lập		
		Số đơn vị được kiểm toán	Số đơn vị có sai phạm	Tỉ lệ vi phạm (%)	Số đơn vị được kiểm toán	Số đơn vị có sai phạm	Tỉ lệ vi phạm (%)	Số đơn vị được kiểm toán	Số đơn vị có sai phạm	Tỉ lệ vi phạm (%)
1	Năm 2021									
1.1	Bộ KH&ĐT	1	1	100	4	1	25	6	3	50
1.2	Bộ Tài chính	1	0	0	4	3	75	2	2	100
1.3	Bộ Công thương	1	1	100	7	5	71	7	7	100
2	Năm 2022									
2.1	Bộ TN&MT	1	1	100	7	7	100	5	3	60
2.2	Bộ NN & PTNT	1	1	100	11	10	91	1	1	100
2.3	Bộ Xây dựng	1	1	100	7	7	100	8	8	100
2.4	Bộ GTVT	1	0	0	6	5	83	1	1	100
2.5	Bộ Ngoại giao	1	0	0	6	5	83	2	2	100
2.6	Bộ TT&TT	1	1	100	7	7	100	3	3	100
3	Năm 2023									
3.1	Bộ Tư pháp	1	0	0	5	1	20	5	5	100
3.2	Bộ Công thương	1	1	100	1	1	100	10	10	100
3.3	Bộ KH&ĐT	1	1	100	6	3	50	5	4	80
3.4	Bộ NN & PTNT	1	1	100	1	1	100	15	15	100
3.5	Bộ GTVT	1	1	100	3	2	67	5	5	100
3.6	Bộ Tài chính	1	1	100	3	3	100	6	3	50

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Tỉ lệ xảy ra vi phạm trong công tác chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các bộ khá cao, thường ở mức 50% trở lên. Điều này là do các đơn vị vẫn còn lúng túng trong tự chủ và không tự chủ chi thường xuyên.

Trong suốt quá trình kiểm toán, tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán sẽ liên tục giám sát, kiểm soát tiến độ, chất lượng hoạt động kiểm toán nhằm bảo đảm cuộc kiểm toán được tiến hành theo đúng KHKT được duyệt. Các hoạt động kiểm soát được thực hiện thông qua kiểm soát nhật ký kiểm toán hàng ngày, kiểm soát báo cáo tiến độ hàng tuần. Kết thúc thời gian kiểm toán tại mỗi đơn vị, các KTV sẽ tập hợp kết quả, bằng chứng kiểm toán, từ đó mỗi KTV lập biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán đối với mỗi đơn vị. Điều này nhằm mục đích tổng hợp kết quả, đưa ra các kết luận, kiến nghị đối với các sai sót của đơn vị được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán.

Hộp 2.3: Kết quả phỏng vấn sâu về giai đoạn thực hiện kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ

- “Trong quá trình kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, các đoàn kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II luôn tuân thủ, bám sát kế hoạch kiểm toán tổng quát được duyệt, do đó tiến độ và chất lượng công việc luôn được đảm bảo. Các kiểm toán viên làm việc với thái độ chuyên nghiệp, giữ vững đạo đức nghề nghiệp, áp dụng kiến thức, chuyên môn được đào tạo vào công tác kiểm toán. Tuy nhiên, đôi lúc hoạt động kiểm toán gặp một vài khó khăn như đơn vị được kiểm toán không cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu cần thiết, sự phối hợp giữa đoàn kiểm toán và đơn vị chưa thực sự nhịp nhàng. Vì vậy, trong thời gian tới, lãnh đạo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II sẽ quan tâm, chỉ đạo sát sao hơn trong giai đoạn thực hiện kiểm toán nhằm bảo đảm tiến độ, mục tiêu và chất lượng kiểm toán đã đề ra.”

- “Về cơ bản, quá trình thực hiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II tại đơn vị diễn ra đúng kế hoạch, đúng nhiệm vụ, phạm vi và trọng tâm kiểm toán. Đơn vị được kiểm toán và đoàn kiểm toán luôn phối hợp chặt chẽ với nhau, nhằm bảo đảm chất lượng và tiến độ kiểm toán. Các kiểm toán viên có trình độ, kinh nghiệm, đã từng kiểm toán các bộ, ban, ngành trong nhiều năm, do đó các kết luận, kiến nghị đưa ra trong quá trình kiểm toán đều xác đáng, có giá trị đối với đơn vị được kiểm toán.”

Nguồn: Phỏng vấn sâu của tác giả

c. Lập và thông qua biên bản của tổ kiểm toán với đơn vị được kiểm toán

Sau khi kết thúc quá trình kiểm toán tại đơn vị, tổ trưởng sẽ tổng hợp kết quả kiểm toán trong các biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của từng KTV, các biên bản và bằng chứng để lập dự thảo biên bản kiểm toán. Thống kê các cuộc kiểm toán cho thấy, công việc này đều được các tổ kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng hạn, phục vụ cho công tác lập báo cáo kiểm toán của đoàn. Biên bản kiểm toán sẽ được thảo luận, lấy ý kiến đóng góp trong tổ kiểm toán, trước khi tổ trưởng báo cáo cho trưởng đoàn.

Theo quy định của Kiểm toán nhà nước (2015), “chậm nhất 05 ngày kể từ khi kết thúc kiểm toán tại đơn vị, tổ trưởng tổ kiểm toán phải lập dự thảo biên bản kiểm toán. Thời gian thông qua biên bản kiểm toán tại đơn vị không vượt quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm toán.”

Bảng 2.14: Thống kê số lượng biên bản kiểm toán của các đoàn kiểm toán giai đoạn 2021 – 2023

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Số biên bản kiểm toán đã lập	31	64	57
2	Số biên bản kiểm toán được lập đúng hạn	29	61	55
3	Tỷ lệ lập biên bản kiểm toán đúng hạn (%)	93,55	95,31	96,49

Nguồn: Báo cáo kiểm toán tại các bộ năm 2021, 2022 và 2023 của KTNN chuyên ngành II

Có thể thấy rằng về cơ bản, các tổ kiểm toán đã lập biên bản kiểm toán đầy đủ nội dung và đúng thời hạn theo quy định. Tuy nhiên, vẫn xuất hiện tình trạng chậm, muộn trong việc lập và thông nhất biên bản kiểm toán với đơn vị được kiểm toán. Nguyên nhân của tình trạng này là do các tổ kiểm toán chậm trễ trong công tác tổng hợp sai phạm và các số liệu có liên quan, thiếu sự phối hợp, thống nhất với đơn vị được kiểm toán. Vì vậy, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II cần tiếp tục nỗ lực hơn nữa, với mục tiêu nâng cao tỉ lệ lập biên bản kiểm toán đúng hạn lên mức 100%.

2.2.2.3. Thực trạng kết thúc kiểm toán

a. Lập và gửi báo cáo kiểm toán

Ở giai đoạn này, trên cơ sở kết quả tổng hợp tình hình, trưởng đoàn tập hợp toàn bộ kết quả kiểm toán cùng các bằng chứng đính kèm, từ đó lập dự thảo BCKT. Bên cạnh đó, các KTV cần tổng hợp đầy đủ các văn bản pháp lý có liên quan, làm căn cứ pháp lý cho các ý kiến, kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Dự thảo BCKT sẽ được đưa ra lấy ý kiến góp ý của các thành viên đoàn kiểm toán, sau đó hoàn thiện, trình kiểm toán trưởng và Tổng kiểm toán nhà nước xét duyệt. Kiểm toán trưởng thành lập tổ thẩm định, nhằm thẩm định nội dung và các số liệu, kiến nghị được nêu trong dự thảo BCKT. Tổ thẩm định phối hợp với tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán thẩm định, kiểm soát dự thảo BCKT tuân thủ theo Luật Kiểm toán nhà nước (2015) theo các nội dung cơ bản sau:

“- Kết quả thực hiện KHKT tổng quát được phê duyệt về mục tiêu, nội dung, trọng yếu, phạm vi, giới hạn, đơn vị được kiểm toán, thời hạn kiểm toán...

- Kết quả thực hiện các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Kiểm toán nhà nước.
- Tính đầy đủ, thích hợp của các bằng chứng kiểm toán làm cơ sở cho các đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị kiểm toán.

- Tính đúng đắn, đầy đủ và chính xác của số liệu; tính hợp lý, hợp pháp của những đánh giá, xác nhận, kết luận, kiến nghị và tính khả thi của những kiến nghị kiểm toán.

- Việc tuân thủ các quy định về kết cấu, nội dung báo cáo kiểm toán; tính hợp lý, chặt chẽ trong trình bày báo cáo, văn phạm và lỗi chính tả.

- Việc tuân thủ quy định về tài liệu, hồ sơ của cuộc kiểm toán.”

Sau khi xét duyệt ở cấp vụ, dự thảo BCKT tiếp tục được xét duyệt ở cấp ngành. Giúp việc cho Tổng KTNN xét duyệt dự thảo báo cáo là các vụ tham mưu như Vụ Tổng hợp, Vụ Chế độ và kiểm soát chất lượng kiểm toán cùng Vụ Pháp chế phối hợp soát xét dự thảo báo cáo tuân thủ Luật KTNN(2015) theo các nội dung như sau:

“- Kết quả thực hiện mục tiêu, trọng yếu, nội dung, phạm vi, giới hạn kiểm toán, đơn vị được kiểm toán trong kế hoạch kiểm toán tổng quát

- Việc tuân thủ các quy định chung về báo cáo kiểm toán; tính logic, phù hợp giữa kết quả kiểm toán với đánh giá, xác nhận, kết luận, kiến nghị kiểm toán; tính đúng đắn, hợp lý của những ý kiến đánh giá, xác nhận, kết luận kiểm toán và tính khả thi của những kiến nghị kiểm toán.

- Thẩm định tính hợp pháp của các đánh giá, xác nhận, kết luận, kiến nghị kiểm toán trong dự thảo báo cáo kiểm toán; việc viện dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trong kết luận, kiến nghị kiểm toán.

- Những nội dung cần phải làm rõ để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc đưa ra các đánh giá, xác nhận, kết luận, kiến nghị kiểm toán.

- Các kết luận, kiến nghị cần bổ sung để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.
- Việc tuân thủ các quy định về hồ sơ kiểm toán, mẫu, thể thức trong việc lập báo cáo kiểm toán; tuân thủ quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn kiểm toán.
- Việc tuân thủ chuẩn mực kiểm toán nhà nước, quy trình kiểm toán và các xử lý về chuyên môn của kết quả kiểm toán phản ánh tại báo cáo kiểm toán.
- Những nội dung cần phải làm rõ để đảm bảo cho báo cáo kiểm toán được lập và trình bày đúng quy định, các nội dung chuyên môn phù hợp với quy định của hệ thống chuẩn mực KTNN và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

Sau khi được thẩm định, góp ý, dự thảo BCKT được trưởng đoàn bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện. Theo quy định của Kiểm toán nhà nước (2015), “dự thảo BCKT hoàn thiện sau xét duyệt được gửi lấy ý kiến đơn vị được kiểm toán chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm toán tại đơn vị. Trong trường hợp đơn vị có ý kiến, trưởng đoàn tập hợp các nội dung đó và trình Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định.”

Được sự đồng ý của Tổng KTNN, kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II giao trưởng đoàn làm việc với đơn vị được kiểm toán, phối hợp tổ chức thông báo kết quả kiểm toán đã được Tổng KTNN xét duyệt. Sau khi thống nhất tại cuộc họp thông qua dự thảo BCKT, trưởng đoàn giao các tổ trưởng rà soát các thông tin, đánh giá, xác nhận, kết luận, kiến nghị, làm cơ sở để lập thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán.

Bảng 2.15: Tổng hợp những sai sót chủ yếu trong quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên được phát hiện qua kiểm toán của KTNN chuyên ngành II giai đoạn 2021 – 2023

STT	Nội dung	Các sai sót chủ yếu
1	Kiểm toán việc lập, phân bổ và giao dự toán	Lập dự toán quỹ lương biên chế (cao hơn) không đúng quy định của Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019
		Lập dự toán một số khoản chi quản lý hành chính (ngoài định mức) không đúng quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg
		Lập dự toán chi quản lý hành chính vượt định mức quy định
		Lập dự toán chi sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp y tế đối với một số đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng vượt so với phương án tự chủ được phê duyệt
		Một số đơn vị SNCL chưa trích lập nguồn cải cách tiền lương theo

STT	Nội dung	Các sai sót chủ yếu
		<p>quy định tại Thông tư số 46/2019/TT-BTC và Thông tư số 71/2020/TT-BTC, không lập dự toán chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định</p> <p>Lập dự toán một số nhiệm vụ khoa học công nghệ mở mới khi chưa có quyết định phê duyệt nhiệm vụ là chưa phù hợp quy định tại Thông tư số 71/2020/TT-BTC</p> <p>Lập dự toán chi quản lý hành chính theo số biên chế được giao nhưng chưa trừ đi số biên chế phải tinh giản theo Kế hoạch tinh giản biên chế được duyệt</p> <p>Lập dự toán chi quản lý hành chính cho các khoản chi đặc thù ngoài định mức, chưa phù hợp quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg</p> <p>Lập dự toán chi phí tiền lương vượt chỉ tiêu so với Quyết định giao biên chế số 1276b/QĐ-BNG</p> <p>Chưa xác định dành tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm ngoài lương và các khoản có tính chất lương để thực hiện cải cách tiền lương</p> <p>Lập dự toán một số nhiệm vụ chi vượt định mức quy định (chi cho lao động hợp đồng 68 và hợp đồng khác để thực hiện các nhiệm vụ khác của Văn phòng Bộ) tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>Xây dựng dự toán đầu năm đối với một số nhiệm vụ chưa sát với thực tế, dẫn đến trong năm không thực hiện một số nhiệm vụ, một số nhiệm vụ chi không hết, phải hủy dự toán, điều chỉnh dự toán sang nhiệm vụ khác</p> <p>Cắt giảm kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo mức 2%, chưa đảm bảo tỷ lệ 2,5% theo quy định tại Thông tư số 61/2021/TT-BTC</p> <p>Thu hồi dự toán do hết nhiệm vụ chi, không đủ điều kiện chuyển nguồn</p> <p>Xây dựng dự toán đầu năm đối với một số nhiệm vụ chưa sát với thực tế, dẫn đến trong năm không thực hiện một số nhiệm vụ, một số nhiệm vụ chi không hết, phải hủy dự toán, điều chỉnh dự toán sang nhiệm vụ khác</p>

STT	Nội dung	Các sai sót chủ yếu
2	Kiểm toán việc chấp hành dự toán chi thường xuyên	Chỉ một số nội dung công việc quản lý hành chính không có trong dự toán được phê duyệt
		Chi xử lý, tổng hợp điều tra số liệu điều tra thống kê vượt 50% định mức quy định tại Thông tư 194/2012/TT-BTC
		Thanh toán tiền phụ cấp công vụ không đúng đối tượng
		Hủy dự toán do không đủ điều kiện phân bổ
		Chưa thực hiện một số nhiệm vụ chi theo danh mục kế hoạch thực hiện
		Xác định thiếu kinh phí cắt giảm tiết kiệm 10% chi thường xuyên còn lại của năm trước theo quy định của Nghị quyết 58/NQ-CP
3	Quyết toán chi thường xuyên	Một số đơn vị quyết toán kinh phí chưa đúng quy định, chứng từ không hợp lý, hợp lệ
		Quyết toán kinh phí chưa phù hợp với dự toán được giao
		Quyết toán trùng lặp nội dung báo cáo đề tài
		Quyết toán kinh phí thực hiện đề tài cho người không có tên trong danh sách thực hiện đề tài

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Kết quả kiểm toán cho thấy, phần lớn các sai sót trong quá trình kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ nằm ở khâu lập, thẩm định, phân bổ và giao dự toán. Tình trạng này cũng được phản ánh qua số liệu ở bảng 2.9. Phần lớn các sai phạm liên quan tới việc lập dự toán vượt hoặc nằm ngoài định mức; đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện cắt giảm kinh phí thường xuyên theo quy định. Mặc dù KTNN chuyên ngành II đã kiến nghị trong nhiều năm, tuy nhiên các bộ vẫn để xảy ra sai sót trong nội dung này.

Đối với việc thực hiện dự toán, một số đơn vị có sai phạm như chi sai nội dung so với dự toán, chi không đúng đối tượng... Đây là rủi ro có thể gây ra thất thoát, lãng phí trong hoạt động chi thường xuyên NSNN của các bộ, làm giảm hiệu quả sử dụng các khoản chi thường xuyên NSNN.

Mặc dù Bộ Tài chính đã có hướng dẫn cụ thể, chi tiết việc quyết toán chi thường xuyên, nhưng các bộ vẫn chưa quản lý chặt chẽ, còn để xảy ra thiếu sót, sai phạm trong công tác quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước. Sai phạm chủ

yếu, thường gặp nhất là quyết toán kinh phí chưa phù hợp với dự toán được giao (bộ Ngoại giao, bộ Thông tin và Truyền thông).

b. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Sau khi kết thúc công tác kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II thực hiện theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của đơn vị. Công tác này được thực hiện định kỳ hàng năm, nhằm đôn đốc đơn vị thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các kiến nghị mà Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đưa ra. Theo Kiểm toán nhà nước (2015), quá trình này gồm các công việc như sau:

“- Theo dõi, thu thập, tổng hợp thông tin về kết luận, kiến nghị kiểm toán của đơn vị được kiểm toán (gồm cả các kiến nghị chưa thực hiện của các năm trước);

- Đánh giá tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán;

- Tổ chức các hoạt động nhằm đảm bảo hiệu quả, hiệu lực việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán: Đôn đốc hoặc kiểm tra việc thực hiện; xử lý khiếu nại, kiến nghị của đơn vị được kiểm toán về kết luận, kiến nghị kiểm toán;

- Báo cáo kết quả việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.”

Bảng 2.16: Tổng hợp số liệu các cuộc kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Kiến nghị giảm chi thường xuyên	Nghìn đồng	376.405	499.099	34.971
2	Kiến nghị đã được thực hiện	Nghìn đồng	376.382	494.405	29.396
3	Tỉ lệ thực hiện	%	99,99	99,06	84,06

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Số liệu trên cho thấy, gần như toàn bộ kiến nghị giảm chi thường xuyên của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ trong năm 2021 và 2022 đã được thực hiện đầy đủ. Kết quả này có được là do KTNN chuyên ngành II liên tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị được kiểm toán thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán. KTNN chuyên ngành II cũng thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, nhằm bảo đảm các đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời các

kiến nghị kiểm toán. Tuy nhiên, năm 2023 các kiến nghị này chỉ được hoàn thiện ở mức 84%, do một vài bộ còn chậm trễ trong công tác triển khai thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán. Do vậy, trong thời gian tới, KTNN chuyên ngành II tiếp tục đôn đốc các đơn vị được kiểm toán thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán, với mục tiêu đến cuối năm 2024, tỉ lệ thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ đạt mức 100%.

Theo Kiểm toán nhà nước (2015), việc kiểm tra tại đơn vị được thực hiện theo các nội dung chủ yếu như sau:

“- Việc lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

- Thời hạn nộp báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán so với quy định tại thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị kiểm toán chi tiết và BCKT.

- Tình hình thực hiện đối với tất cả các kết luận, kiến nghị kiểm toán (bao gồm cả những kết luận, kiến nghị chưa thực hiện những năm trước) bao gồm: Xử lý các nghiệp vụ kinh tế và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; chấp hành chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân; việc sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách và quản lý điều hành và các kết luận, kiến nghị kiểm toán khác.

- Xác định những kết luận, kiến nghị kiểm toán đơn vị đã thực hiện, đang thực hiện kèm theo những bằng chứng cụ thể; những kết luận, kiến nghị chưa thực hiện, xác định rõ nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và đưa ra hướng khắc phục.”

Đoàn kiểm tra của KTNN chuyên ngành II thu thập bằng chứng về việc cơ quan, đơn vị được kiểm toán đã tuân thủ các kết luận, kiến nghị của KTNN. Từ đó đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán. Các bằng chứng này được quy định cụ thể theo các hướng dẫn của KTNN (2020) và Bộ Tài chính, bao gồm: “Giấy nộp tiền vào Kho bạc nhà nước, phiếu thu tiền, văn bản ban hành để xử lý, khắc phục các kiến nghị về chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán; bằng chứng về việc kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân; bằng chứng về việc hoàn thiện cơ chế, chính sách...”

Kết thúc công tác kiểm tra tại mỗi đơn vị, đoàn kiểm tra lập biên bản, ghi nhận tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán cùng các bằng chứng và tài liệu đính kèm. Căn cứ các biên bản kiểm tra và các tài liệu có liên quan, trưởng đoàn kiểm tra lập báo cáo kiểm tra, trình Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II. Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II thành lập tổ thẩm định, từ đó làm căn cứ để phê duyệt

báo cáo kiểm tra của đoàn kiểm tra. Cuối cùng, Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II ký phát hành báo cáo kiểm tra, gửi các đơn vị được kiểm tra và tổ chức lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Hộp 2.4: Kết quả phỏng vấn sâu về giai đoạn kết thúc kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ

- “Sau khi kết thúc kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II nói chung và đoàn kiểm toán nói riêng luôn khẩn trương tiến hành lập, thẩm định và trình phê duyệt báo cáo kiểm toán, bảo đảm thời hạn phát hành báo cáo kiểm toán đúng quy định. Bên cạnh đó, đoàn kiểm toán cũng kịp thời tập hợp, lưu trữ và số hóa hồ sơ, tài liệu và các bằng chứng kiểm toán có liên quan theo quy định của Kiểm toán nhà nước. Tuy nhiên, một số báo cáo kiểm toán vẫn phát hành chậm so với thời hạn quy định. Nội dung báo cáo kiểm toán luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ kiểm toán đã được duyệt; kết luận, kiến nghị kiểm toán được trình bày rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với các đánh giá kiểm toán được nêu; hệ thống hồ sơ, mẫu biểu tuân thủ chặt chẽ các quy định. Mặc dù vậy, một số dự thảo báo cáo kiểm toán thiếu tính tổng hợp, thiếu sự khái quát, một số kiến nghị kiểm toán thiếu tính khả thi, khó thực hiện, nên quá trình xét duyệt báo cáo kiểm toán phải kéo dài thời gian, dẫn tới sự chậm trễ trong phát hành báo cáo.”

- “Các báo cáo kiểm toán được Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II lập đúng, đủ nội dung và bảo đảm thời hạn phát hành báo cáo theo quy định. Những kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II luôn cụ thể theo từng nội dung kiểm toán, là căn cứ để đơn vị sửa chữa, khắc phục những sai sót, tồn tại. Tuy nhiên, vẫn xuất hiện tình trạng một số kết luận kiểm toán chung chung, thiếu tính khả thi, do đó các đơn vị khó có khả năng thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các kiến nghị. Vậy nên, nhiều kiến nghị kiểm toán bị tồn đọng trong thời gian dài, nếu không được quan tâm đúng mức, xử lý quyết liệt thì nhiều kiến nghị tài chính sẽ bị treo, có nguy cơ không thực hiện được.”

Nguồn: Phỏng vấn sâu của tác giả

2.3. Đánh giá thực trạng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

2.3.1 Đánh giá việc thực hiện mục tiêu kiểm toán

Trong giai đoạn 2021 – 2023, KTNN chuyên ngành II luôn thực hiện các cuộc kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ theo phương án, kế hoạch kiểm toán được duyệt. Từ đầu năm, KTNN chuyên ngành II luôn chủ động lập kế hoạch tổ chức

kiểm toán, lên phương án bố trí nhân sự và dự kiến thời gian thực hiện kiểm toán đối với từng cuộc kiểm toán. Do làm tốt quá trình thu thập, khảo sát thông tin nên việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ luôn được hoàn thành với kết quả tốt.

Bảng 2.17: Tổng hợp tình hình thực hiện các mục tiêu kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ giai đoạn 2021 – 2023

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Số cuộc kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ				
	Theo kế hoạch	Cuộc	3	6	6
	Thực hiện		3	6	6
	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	%	100	100	100
2	Số bộ thuộc phạm vi kiểm toán của KTNN chuyên ngành II	Bộ	11	11	11
	Số bộ được kiểm toán chi thường xuyên NSNN		3	6	6
	Tỷ lệ số bộ được kiểm toán chi thường xuyên NSNN	%	27,27	54,55	54,55
3	Số bộ được đánh giá tuân thủ pháp luật trong quản lý và sử dụng chi thường xuyên NSNN sau kiểm toán	Bộ	0	0	0
	Tỷ lệ phần trăm		%	0	0
4	Số tiền chi thường xuyên NSNN của các bộ được thu hồi vào NSNN sau kiểm toán	Triệu đồng	67.187	38.763	11.814
5	Số kiến nghị tham mưu với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan tới chi và quản lý chi thường xuyên NSNN của các bộ	Kiến nghị	13	17	9

Nguồn: KTNN chuyên ngành II

Từ số liệu trong bảng trên, mặc dù phạm vi kiểm toán của KTNN chuyên ngành II là kiểm toán 11 bộ, tuy nhiên tỷ lệ số bộ được kiểm toán trong một năm khá thấp (cao nhất chỉ đạt 54,55%). Điều này cho thấy số cuộc kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ là quá ít, chưa đáp ứng được yêu cầu của Chính phủ và phù hợp với định hướng phát triển của KTNN. Mục tiêu kiểm toán việc quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên NSNN của các bộ chưa được thực hiện định kỳ hàng năm, do đó việc kiểm soát hiệu quả sử dụng các khoản chi thường xuyên NSNN của các bộ còn thấp. Do đó, trong thời gian tới, KTNN chuyên ngành II dự kiến tăng số cuộc kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ, tiến tới kiểm toán chi thường xuyên NSNN 100% các bộ trong các năm.

Bảng số liệu trên cũng cho thấy, số kiến nghị tài chính có xu hướng giảm dần qua các năm. Mặc dù số cuộc kiểm toán tăng (năm 2021 có 03 cuộc kiểm toán, năm 2022 có 06 cuộc kiểm toán và năm 2023 có 06 cuộc kiểm toán), số tiền thu hồi, nộp ngân sách và giảm chi thường xuyên NSNN giảm theo từng năm là do đơn vị được kiểm toán đã tiếp thu các kết luận, kiến nghị kiểm toán những năm trước, do đó cơ bản khắc phục những sai sót trong quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên. Mặt khác, những năm gần đây Chính phủ có chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện cắt giảm các khoản chi thường xuyên không cần thiết, vì vậy các khoản xử lý tài chính về chi thường xuyên cũng giảm theo.

Thông qua kết quả kiểm toán, có thể thấy các bộ cơ bản chấp hành quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng có hiệu quả các khoản chi thường xuyên NSNN. Tuy nhiên, một số tồn tại, hạn chế được KTNN chuyên ngành II chỉ ra cho thấy, công tác lập, phân bổ, giao dự toán và chấp hành dự toán của các đơn vị còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành. Từ đó, KTNN chuyên ngành II đã đưa ra những kết luận, kiến nghị xác đáng, giúp đơn vị khắc phục, hoàn thiện hơn trong công tác quản lý, sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, qua quá trình kiểm toán, KTNN chuyên ngành II tiếp tục thực hiện kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản, quy định pháp luật chưa sát với thực tế, từ đó hoàn thiện hành lang pháp lý trong lĩnh vực chi thường xuyên ngân sách nhà nước trung ương.

2.3.2. Ưu điểm

- Về bộ máy kiểm toán: Phần lớn KTV, chuyên viên tham gia kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên và có trình độ thạc sĩ, có chuyên môn về tài chính, kế toán.

- Về quy trình và nội dung kiểm toán:

+ Lãnh đạo KTNN chuyên ngành II quan tâm, chỉ đạo sát sao, chú trọng lập kế hoạch kiểm toán và triển khai theo đúng kế hoạch được duyệt.

+ Qua công tác kiểm toán, KTNN chuyên ngành II đã phát hiện nhiều sai sót, từ đó đưa ra những kiến nghị xác đáng với đơn vị được kiểm toán, nhằm khắc phục, hoàn thiện hơn công tác quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên NSNN của các bộ.

+ Các BCKT được lập theo đúng quy trình, đủ nội dung và đúng thời hạn theo quy định. Các báo cáo này cũng được số hóa và lưu trữ đầy đủ, làm căn cứ để theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ.

2.3.3. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chất lượng công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ tại KTNN chuyên ngành II chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Về bộ máy kiểm toán:

+ Trách nhiệm công chức, công vụ của một số KTV còn hạn chế, chưa thể hiện được nhiệt huyết và trách nhiệm đối với công việc được giao.

+ Một số công chức thực thi nhiệm vụ kiểm toán còn ngại va chạm, chưa đi đến cùng sự thật để xác minh, củng cố đầy đủ bằng chứng, chứng cứ để kết luận, kiến nghị.

- Về thực hiện nội dung, quy trình kiểm toán:

+ Chất lượng một số cuộc kiểm toán chưa cao; công tác kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy trình, quy chế, hồ sơ kiểm toán còn hạn chế.

+ Thu thập bằng chứng kiểm toán chưa đầy đủ, còn để dẫn đến tình trạng kiến nghị, khiếu nại phải điều chỉnh kết quả kiểm toán.

+ Một số dự thảo BCKT trước khi trình Hội đồng cấp vụ trình bày còn dài; chưa nêu bật được kết quả kiểm toán hay nội dung đánh giá chưa rõ ràng, dẫn đến còn

nhiều ý kiến trong quá trình kiểm soát, thẩm định, phê duyệt cần làm rõ và còn phải chỉnh sửa, biên tập.

+ Công tác hoàn thiện hồ sơ của các Đoàn kiểm toán còn chậm, nhiều Đoàn kiểm toán đã kết thúc nhưng chưa được các Đoàn kiểm toán hoàn thiện, bàn giao để thực hiện số hoá và lưu trữ theo quy định.

+ Phát hành Thông báo Kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán còn chậm.

2.3.4. Nguyên nhân của hạn chế

2.3.4.1. Nguyên nhân thuộc về KTNN chuyên ngành II

- Về bộ máy kiểm toán: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, một số KTV, chuyên viên có tâm lý “sợ sai”, “thu mình”, “ngại va chạm”, “dĩ hòa vi quý”, “thà không làm và bị phê bình còn hơn làm rồi bị sai, bị gánh trách nhiệm”, không dám chịu trách nhiệm đối với ý kiến chuyên môn của bản thân.

- Về quy trình, nội dung kiểm toán: Mặc dù quy trình, nội dung kiểm toán được xây dựng chặt chẽ, tuy nhiên chưa cập nhật kịp thời đối với sự thay đổi liên tục của các văn bản, quy định pháp luật liên quan trong lĩnh vực chi thường xuyên NSNN của các bộ. Do đó, một vài quy định của quy trình, nội dung kiểm toán còn cứng nhắc, không phù hợp với thực tế kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ.

- Sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo KTNN chuyên ngành II:

Đôi lúc lãnh đạo KTNN chuyên ngành II chưa thực sự sát sao trong chỉ đạo, quản lý và điều hành các tổ kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ trong giai đoạn lập biên bản kiểm toán và BCKT. Do vậy chất lượng BCKT đôi khi còn nhiều tồn tại, hạn chế.

Trưởng đoàn kiểm toán chưa chỉ đạo, phối hợp kịp thời với các tổ kiểm toán trong công tác lưu trữ, số hóa hồ sơ kiểm toán theo quy định. Do đó công tác tập hợp, lưu trữ hồ sơ của đoàn kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ còn chậm trễ, không theo đúng tiến độ quy định.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ: Mặc dù các KTV đã được phổ biến, hướng dẫn và tập huấn về việc sử dụng các phần mềm kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ, nhưng do hạn chế về khả năng sử dụng công nghệ thông tin, nên nhiều KTV khó tiếp cận với những phần mềm này, ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

2.3.4.2. Nguyên nhân thuộc về môi trường bên ngoài KTNN chuyên ngành II

- Các quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ: Quy trình kiểm toán của KTNN đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ đã được ban hành chi tiết, tuy nhiên quy trình này chưa được cập nhật mới, nên xuất hiện một vài tồn tại, hạn chế. Các văn bản, quy định pháp luật về chi thường xuyên NSNN của các bộ đôi khi còn chồng chéo, chưa phù hợp, chưa đi sâu vào đặc thù của từng bộ. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ. Vì vậy, KTNN chuyên ngành II liên tục kiến nghị các cơ quan nhà nước phối hợp, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản, quy định pháp luật chưa phù hợp, từ đó hoàn thiện hơn hệ thống văn bản pháp luật.

- Năng lực, ý thức tuân thủ pháp luật của đơn vị được kiểm toán: Nhiều đơn vị thuộc các bộ chưa có ý thức chấp hành pháp luật tốt. Bên cạnh đó, trình độ, năng lực chuyên môn cấp chuyên viên của các đơn vị này chưa thực sự đáp ứng yêu cầu công việc, do đó thường dễ xảy ra sai sót trong công tác quản lý, sử dụng các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH II ĐỐI VỚI CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC BỘ

3.1 Định hướng hoàn thiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ đến năm 2030

3.1.1. Về năng lực kiểm toán

- Nâng cao năng lực kiểm toán đối với quyết toán ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương. Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030 (2022) đề cập quan điểm và mục tiêu phát triển, trong đó, “đến năm 2025 phấn đấu kiểm toán thường xuyên hằng năm khoảng 80%, còn lại 20% kiểm toán tối thiểu 2 năm/lần và đến năm 2030 phấn đấu kiểm toán thường xuyên hằng năm đạt 100% đối với quyết toán ngân sách nhà nước các bộ, cơ quan trung ương”.

- Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030 (2022) cũng nêu rõ, “cần nâng cao chất lượng kiểm toán, ý kiến về dự toán ngân sách nhà nước; kịp thời đưa ra các phân tích, ý kiến cảnh báo, tư vấn ngay từ khâu lập dự toán phục vụ Quốc hội, Chính phủ trong công tác giám sát, quản lý, điều hành, đánh giá những kịch bản hoặc dự báo có thể xảy ra trong trung và dài hạn liên quan đến các chu kỳ phát triển của nền kinh tế, việc trả nợ, các chương trình mục tiêu quốc gia và những cam kết khác như an sinh xã hội, trợ cấp hưu trí, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu hay các cú sốc tài chính; giúp Quốc hội có nguồn thông tin tin cậy, độc lập, khách quan để quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, quyết định đầu tư dự án, công trình quan trọng quốc gia.”

- Nghiên cứu, đổi mới cách tiếp cận, nội dung và phương pháp kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ. Học tập kinh nghiệm quốc tế để việc kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ được thực hiện một cách khoa học và giảm thiểu rủi ro.

- Tăng cường hơn nữa kiểm toán khâu lập dự toán chi thường xuyên NSNN của các bộ, vì đây là cơ sở để quyết toán NSNN. Nghiên cứu phát triển kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ theo loại hình kiểm toán hoạt động, tập trung đánh giá tính hiệu quả của việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, từ đó tác động tới cân đối NSNN và yếu tố bền vững của NSNN.

3.1.2. Về hiệu lực kiểm toán

- Tập trung cải tiến, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân, đặc biệt là việc không ngừng nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước.

- Nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, đặc biệt là nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành, đổi mới phương pháp và cách thức tổ chức thực hiện kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Chú trọng phát hiện các sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách về chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ để kiến nghị hoàn thiện. Tăng cường áp dụng các phương pháp kiểm toán theo thông lệ quốc tế và công nghệ thông tin hiện đại để tăng dần số lượng các cuộc kiểm toán tại trụ sở Kiểm toán nhà nước; rút ngắn thời gian kiểm toán, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực trong tổ chức và thực hiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

- Kiểm toán các chuyên đề lớn đối với việc quản lý, điều hành ngân sách nhà nước, những vấn đề dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, những vấn đề quan trọng của đất nước. Kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, cung cấp các thông tin tin cậy, trung thực, kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành của Chính phủ; phục vụ tích cực cho hoạt động của Quốc hội về lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

- Đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan Đảng, đồng thời cung cấp thông tin cho các cơ quan bảo vệ pháp luật và các cơ quan khác của Nhà nước trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ.

- Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030 (2022) nêu rằng, cần thiết phải “tăng cường kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán, áp dụng công nghệ thông tin để theo dõi đầy đủ, liên tục các kết luận, kiến nghị kiểm toán; áp dụng chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm Luật KTNN; phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội tổ chức một số phiên giải trình về kết quả kiểm toán, báo cáo kiểm toán để thúc đẩy việc thực hiện kiến nghị kiểm toán; phấn đấu đến năm 2025 trên 90% kiến nghị kiểm toán và đến năm 2030 hầu hết các kiến nghị kiểm toán được thực hiện.”

3.1.3. Về hiệu quả kiểm toán

- Theo Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030 (2022), “tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm toán, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực trong tổ chức và hoạt động của KTNN; áp dụng các phương pháp kiểm toán theo thông lệ quốc tế và công nghệ hiện đại vào công tác kiểm toán, tiến tới toàn bộ các cuộc kiểm toán được thực hiện tại trụ sở KTNN.”

- Bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng về công nghệ thông tin cho KTV, nhằm mục đích toàn bộ KTV thành thạo khoa học, công nghệ thông tin trong kiểm toán để chuyển quy trình, nội dung kiểm toán sang quy trình, nội dung kiểm toán số, nâng cao hiệu quả kiểm toán.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ

3.2.1. Hoàn thiện bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách của các bộ

Trong giai đoạn 2021 – 2023, bộ máy kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ còn thiếu, chưa đáp ứng đủ yêu cầu khối lượng công việc. Vì nhân sự của các đoàn kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ thường thuộc các phòng Kiểm toán ngân sách 1, 2, 3, 4, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II cần thực hiện những giải pháp sau:

- Xây dựng, phát triển đội ngũ nhân lực tinh gọn, hiệu quả, đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, có cơ cấu hợp lý, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao. Tăng cường trang bị cho các KTV thực hiện kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá chính sách vĩ mô, kỹ năng về pháp chế và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán.

- Ưu tiên sắp xếp, phân bổ nguồn nhân lực phù hợp với tính chất từng cuộc kiểm toán: Trong quá trình thu thập thông tin, lập kế hoạch kiểm toán, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II cần dựa vào khối lượng công việc, số lượng, trình độ của KTV để có phương án sắp xếp phù hợp. Nhằm tăng cường đội ngũ KTV có trình độ, chuyên môn sâu về tài chính, kế toán, KTNN chuyên ngành II cần tham mưu, đề xuất với lãnh đạo KTNN về việc bổ sung, tuyển dụng mới công chức theo hướng tăng số lượng KTV trong lĩnh vực tài chính, kế toán nhằm đáp ứng nhu cầu cao về công việc.

- Phân công nhiệm vụ cho từng kiểm toán viên trong đoàn, tổ để phù hợp với trình độ, chuyên môn và sở trường công tác để phát huy tối đa năng lực, sáng tạo trong

hoạt động chuyên môn. Bên cạnh đó, các tổ kiểm toán cần có kế hoạch làm việc rõ ràng, cụ thể, phân đầu hoàn thành đầy đủ mục tiêu đề ra đúng hạn.

- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các tổ kiểm toán, các thành viên trong đoàn kiểm toán. Lãnh đạo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II cần sát sao hơn trong công tác điều hành. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa vai trò của tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán, tăng thêm nhiệm vụ, quyền hạn cho tổ kiểm soát chất lượng kiểm toán nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng không ngừng được nâng cao chất lượng, đổi mới cả về nội dung và hình thức, đào tạo theo hướng gắn với thực tiễn và thích nghi với môi trường công nghệ kiểm toán hiện đại theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đạo đức công vụ là yếu tố góp phần không nhỏ vào chất lượng kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ. Trong bối cảnh trọng trách mà Đảng, Nhà nước đặt lên vai Kiểm toán nhà nước nói chung và KTNN chuyên ngành II nói riêng ngày càng cao, những rủi ro, thách thức đặt ra cho công tác kiểm toán của KTNN chuyên ngành II đối với chi thường xuyên NSNN của các bộ ngày một lớn, đòi hỏi quyết tâm, bản lĩnh chính trị cao của từng công chức và KTV. Để hiện thực hóa mục tiêu này, KTNN chuyên ngành II cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ. Đồng thời tăng cường và thực hiện đồng bộ các giải pháp về giáo dục chính trị, tư tưởng, tính gương mẫu, liêm chính của cán bộ, đảng viên, công chức, KTV gắn với việc nắm bắt tình hình, theo dõi, kiểm tra và giám sát ở tất cả các cấp quản lý. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của kiểm toán trưởng, trưởng đoàn, tổ trưởng tổ kiểm toán và KTV trong kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ.

3.2.2. Hoàn thiện nội dung kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách của các bộ

- Chú trọng kiểm toán đánh giá được sự hợp lý trong các chỉ tiêu dự toán chi, đánh giá tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý chi tiêu từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Qua đó, thực hiện đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi theo mục tiêu hoạt động của các bộ, ngành; sự hợp lý trong xây dựng các định mức, tiêu chuẩn chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ.

- Đánh giá, xem xét đến mối quan hệ giữa kết quả đầu ra, đầu vào; đánh giá sự ảnh hưởng của các nguồn lực khác đến chi tiêu từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tại các bộ, ngành.

- Tập trung rà soát các chính sách về kiểm toán đánh giá hiệu lực, hiệu quả cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công. Từ đó, Kiểm toán nhà nước phát hiện kịp thời sai lệch về cơ chế, chính sách, chế độ, định mức không phù hợp hoặc thiếu đồng bộ, nhằm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ và có các giải pháp khắc phục, tránh thất thoát, lãng phí, siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính để nguồn lực công được sử dụng đúng mục đích, nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính công, tài sản công.

- Tăng cường kiểm toán nội dung hoạt động tổ chức, thiết lập cơ chế giám sát chi tiêu ngân sách tại các bộ, ngành; chế độ thông tin, báo cáo; phân công, phân cấp trách nhiệm trong quản lý chi tại các đơn vị dự toán cấp dưới; xây dựng cơ chế phối hợp giữa văn phòng Bộ với các cục, vụ chức năng... nhằm giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại các đơn vị dự toán cấp dưới.

3.2.3. Hoàn thiện quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách của các bộ

- Chủ động xây dựng và hoàn thiện đề cương hướng dẫn kiểm toán đối các cuộc kiểm toán chuyên đề, đặc biệt là các chuyên đề có phạm vi rộng.

- Tập trung chỉ đạo khảo sát, thu thập thông tin các cuộc kiểm toán; áp dụng triệt để phương pháp kiểm toán tiếp cận dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu đối với lĩnh vực kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ; tăng cường sử dụng phương pháp chuyên gia; tập trung nhân lực và dành nhiều thời gian, trí tuệ cho công tác kiểm toán tổng hợp; đi sâu đánh giá thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các ngành và hiệu lực của các cơ chế chính sách, chế độ của nhà nước.

- Hoàn thiện hệ thống hồ sơ lưu trữ để đảm bảo lưu trữ đúng, đủ, cập nhật thường xuyên và dễ tra cứu. Thu thập, lưu trữ thông tin liên quan đến các đơn vị được kiểm toán, tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin, khai thác phục vụ cho hoạt động kiểm toán và các hoạt động công vụ khác.

3.2.4. Giải pháp khác

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động kiểm toán theo quy định tại Quyết định số 1694/QĐ-KTNN ngày 27/11/2020 của Tổng Kiểm toán nhà nước, đảm bảo các kết luận, kiến nghị đầy đủ bằng chứng và có tính khả thi; xử lý nghiêm khắc các trường hợp KTV vi phạm. Kịp thời chuyển sang cơ quan điều tra đối với các cuộc kiểm toán có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin, áp dụng tiến bộ công nghệ hiện đại vào công tác kiểm toán. KTNN tiếp tục trang bị nhiều phần mềm quản lý, hỗ trợ công tác kiểm toán, đồng thời tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu giữa các phần mềm nội bộ nhằm bảo đảm tính thống nhất, tập trung trong toàn ngành, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả trong công tác kiểm toán chi thường xuyên NSNN của các bộ. Xây dựng đội ngũ KTV có kỹ năng thực hiện kiểm toán trong môi trường công nghệ thông tin. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin, đáp ứng yêu cầu các công tác quản lý điều hành và công tác kiểm toán.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, Trưởng đoàn, Tổ trưởng Tổ kiểm toán trong công tác lập Báo cáo kiểm toán Đoàn kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán trước khi trình phát hành, đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định; kịp thời hoàn thiện hồ sơ kiểm toán để lưu trữ theo quy định.

- Công khai kết quả kiểm toán tại toàn bộ các đơn vị được kiểm toán, nhằm mục đích minh bạch trong quản lý NSNN. Bên cạnh đó, việc công khai các kết quả này tăng cường tính hiệu quả, hiệu lực của các kết luận, kiến nghị kiểm toán; đồng thời tạo áp lực nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm toán.

3.3. Một số kiến nghị với Quốc hội

- Thông qua kết quả kiểm toán, KTNN kiến nghị với Quốc hội sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản, quy định pháp luật do các cơ quan nhà nước ban hành, nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách, chế độ, khắc phục lỗ hổng cơ chế, từ đó hạn chế thất thoát, lãng phí, góp phần quan trọng trong công tác siết chặt kỉ cương, kỉ luật tài chính. Cụ thể, năm 2021, Kiểm toán nhà nước đã kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, thay thế 198 văn bản khác nhau. Năm 2022, con số này là 270 văn bản. Số liệu năm 2023 cho thấy, chỉ riêng trong năm này Kiểm toán nhà nước đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc hoàn thiện, ban hành mới 133 văn bản pháp luật.

- Để nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cần tích cực phối hợp với Kiểm toán nhà nước trong hoạt động kiểm tra, giám sát.

- Tiếp tục phối hợp với Kiểm toán nhà nước trong công tác xây dựng, phân bổ dự toán trung ương; phối hợp trong xây dựng và hoàn thiện cơ chế pháp luật, tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách.

KẾT LUẬN

Trong hệ thống tài chính quốc gia, ngân sách nhà nước là nguồn tài chính tập trung, quan trọng, là tiềm lực, là sức mạnh nội lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quản lý và điều hành ngân sách nhà nước có tác dụng chi phối trực tiếp đến các hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, để đảm bảo cân bằng ngân sách thì cần quản lý tốt chi ngân sách nhà nước, thực hiện chi đúng, chi tiết kiệm, đảm bảo hoạt động của các đơn vị thụ hưởng ngân sách nhà nước.

Chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi ngân sách nhà nước trung ương. Vì vậy, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II xác định công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ là một nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt trong kế hoạch hàng năm của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II. Trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi sự minh bạch cao trong quản lý tài chính công, mà trọng tâm là ngân sách nhà nước, việc tổ chức thực hiện kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ phải được thực hiện chuyên nghiệp, chuẩn hóa theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, bảo đảm chất lượng cao. Vì vậy, mặc dù còn một số khó khăn, hạn chế trong công tác kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II luôn nỗ lực hoàn thiện, nâng cao chất lượng bộ máy kiểm toán, quy trình và nội dung kiểm toán nhằm bảo đảm mục tiêu đã đề ra. Do đó, nhu cầu cấp thiết hiện nay là không ngừng nâng cao chất lượng kiểm toán, từ đó có những kết luận, kiến nghị xác đáng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chi thường xuyên ngân sách của các bộ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2016), *Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước*, ban hành ngày 21/12/2016.
2. Kiểm toán nhà nước (2022), *Chiến lược phát triển Kiểm toán nhà nước đến năm 2030*, truy cập ngày 21/6/2024, từ <https://www.sav.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=32&l=Chienluocphattrien>.
3. Kiểm toán nhà nước (2020), *Quyết định số 1372/QĐ-KTNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II*, ban hành ngày 02/10/2020.
4. Kiểm toán nhà nước (2021), *Quyết định số 154/QĐ-KTNN ban hành hướng dẫn kiểm toán ngân sách bộ, ngành, cơ quan trung ương của Kiểm toán nhà nước*, ban hành ngày 18/02/2021.
5. Kiểm toán nhà nước (2022), *Quyết định số 1450/QĐ-KTNN ban hành Hướng dẫn kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách các bộ, cơ quan trung ương*, ban hành ngày ngày 21/11/2022.
6. Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II (2021), *Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, tài liệu lưu hành nội bộ*.
7. Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II (2022), *Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, tài liệu lưu hành nội bộ*.
8. Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II (2023), *Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, tài liệu lưu hành nội bộ*.
9. Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II (2021), *Báo cáo tổng kết năm 2021 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022*, tài liệu lưu hành nội bộ.
10. Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II (2022), *Báo cáo tổng kết năm 2022 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, tài liệu lưu hành nội bộ.
11. Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II (2023), *Báo cáo tổng kết năm 2023 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, tài liệu lưu hành nội bộ.
12. Kiểm toán nhà nước (2017), *Quyết định số 04/2017/QĐ-KTNN ban hành Quy trình kiểm toán ngân sách trung ương (bộ, ngành) của Kiểm toán nhà nước*, ban hành ngày 31/3/2017.
13. Kiểm toán nhà nước (2018), *Quyết định số 02/2018/QĐ-KTNN ban hành Quy trình kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước*, ban hành ngày 26/11/2018.

14. Kiểm toán nhà nước (2020), *Quyết định số 02/2020/QĐ-KTNN ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước*, ban hành ngày 16/10/2020.
15. Kiểm toán nhà nước (2023), *Quyết định số 08/2023/QĐ-KTNN ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước*, ban hành ngày 29/5/2023.
16. Nguyễn Quang Quỳnh và Nguyễn Thị Phương Hoa (2017), *Giáo trình Lý thuyết Kiểm toán*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
17. Phan Hữu Nghị và Lê Hùng Sơn (2015), *Bài giảng Tài chính công*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
18. Quốc hội (2015), *Luật Kiểm toán nhà nước*, ban hành ngày 24/6/2015.
19. Quốc hội (2015), *Luật Ngân sách nhà nước*, ban hành ngày 25/6/2015.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: MẪU CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

Để có cơ sở đề xuất giải pháp hoàn thiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, kính mong Ông/Bà cung cấp thông tin bằng cách trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Ông/Bà hãy đánh giá về bộ máy kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ trong giai đoạn 2021 – 2023? Ưu điểm? Hạn chế? Ông/Bà có đề xuất giải pháp gì để khắc phục hạn chế kể trên?

2. Ông/Bà hãy đánh giá về giai đoạn chuẩn bị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ trong giai đoạn 2021 – 2023? Ưu điểm? Hạn chế? Ông/Bà có đề xuất giải pháp gì để khắc phục hạn chế kể trên?

3. Ông/Bà hãy đánh giá về giai đoạn thực hiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ trong giai đoạn 2021 – 2023? Ưu điểm? Hạn chế? Ông/Bà có đề xuất giải pháp gì để khắc phục hạn chế kể trên?

4. Ông/Bà hãy đánh giá về giai đoạn kết thúc kiểm toán của Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II đối với chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ trong giai đoạn 2021 – 2023? Ưu điểm? Hạn chế? Ông/Bà có đề xuất giải pháp gì để khắc phục hạn chế kể trên?

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA PHÒNG VẤN SÂU

STT	Vị trí công tác	Ngày phỏng vấn
1	Phó Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II kiêm Trưởng đoàn kiểm toán Bộ Tư pháp và Bộ GTVT năm 2023	20/6/2024
2	Phó Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II kiêm Trưởng đoàn kiểm toán Bộ Tư pháp và Bộ KH&ĐT năm 2023	21/6/2024
3	Phó Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành II kiêm Trưởng đoàn kiểm toán Bộ NN&PTNT và Bộ Tài chính năm 2023	21/6/2024
4	Cục trưởng Cục Kế hoạch – Tài chính, Bộ Tài chính	24/6/2024
5	Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Công thương	25/6/2024
6	Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ NN&PTNT	27/6/2024